

HỘ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG

ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “PHÒNG KHÁM LIÊN CHUYÊN KHOA
MẮT, RĂNG HÀM MẶT”

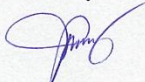
Hải Phòng, năm 2026

HỘ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG

**ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “PHÒNG KHÁM LIÊN CHUYÊN KHOA
MẮT, RĂNG HÀM MẶT”**

Địa điểm: Tại thửa số 376, 377 tờ bản đồ số 4, Thôn An Quý,
Xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng

CHỦ DỰ ÁN


Lê Thị Kim Dung

Hải Phòng, năm 2026

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về Dự án	1
1.1. Tên dự án:	1
1.2. Địa điểm thực hiện dự án, nguồn vốn và tiến độ thực hiện	1
1.3. Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của Dự án	3
2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của phòng khám	5
2.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của Phòng khám.....	5
2.2. Sản phẩm của Phòng khám	5
3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của Phòng khám	6
3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh	6
3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh.....	7
3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	8
3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh.....	8
3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	9
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở	10
4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh.....	10
4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh.....	14
4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	15
4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh.....	15
4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh	15
5. Giám sát khí thải, nước thải	16
6. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường	17
PHỤ LỤC	19

DANH MỤC HÌNH

<i>Hình 1: Vị trí của cơ sở.....</i>	<i>1</i>
<i>Hình 2: Quy trình khám chữa bệnh.....</i>	<i>4</i>
<i>Hình 3: Thành phần của nước thải sinh hoạt</i>	<i>6</i>
<i>Hình 4: Bể tự hoại 3 ngăn.....</i>	<i>10</i>
<i>Hình 5: Hình ảnh thiết bị xử lý nước thải y tế MTX500.....</i>	<i>11</i>
<i>Hình 6: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của phòng khám.....</i>	<i>12</i>
<i>Hình 7: Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.....</i>	<i>12</i>

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Chức năng của từng khoa phòng.....	3
Bảng 2. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ cho 1 năm hoạt động ổn định của Phòng khám.....	5
Bảng 3. Nhu cầu sử dụng điện, nước, nguyên nhiên liệu khác	5
Bảng 4. Thời gian tồn tại của một số vi khuẩn gây bệnh có trong không khí.....	8
Bảng 5. Thông số của máy xử lý nước thải MTX500	11
Bảng 6. Các hạng mục của thiết bị xử lý	13
Bảng 7. Danh mục máy móc thiết bị xử lý nước thải	13

**HỘ KINH DOANH
PK LÊ THỊ KIM DUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 01/ĐKMT

Nguyên Giáp ngày 26 tháng 08 năm 2026

V/v đăng ký môi trường cho dự án
phòng khám Mắt, Răng Hàm Mất

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Nguyên Giáp

Hộ kinh doanh PK Lê Thị Kim Dung là chủ đầu tư của phòng khám liên chuyên khoa Mắt, Răng Hàm Mất, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tại thửa số 376, 377, tờ bản đồ số 4, Thôn An Quý, Xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: Mã số hộ kinh doanh 037193005062 do Phòng Kinh Tế xã Nguyên Giáp cấp đăng kí lần đầu ngày 02/04/2026, đăng kí thay đổi lần thứ 1 ngày 17/08/2026

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Kim Dung

- Chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh số 009626/HD-CCHN của Sở Y tế tỉnh Hải Dương (nay là Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 20/07/2021.

- Điện thoại: 0385986315; e-mail: dungthuong1906@gmail.com

Hộ kinh doanh PK Lê Thị Kim Dung đăng ký môi trường cho Phòng khám Liên chuyên khoa Mắt - Răng Hàm Mất thuộc Hộ kinh doanh PK Lê Thị Kim Dung với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về Dự án

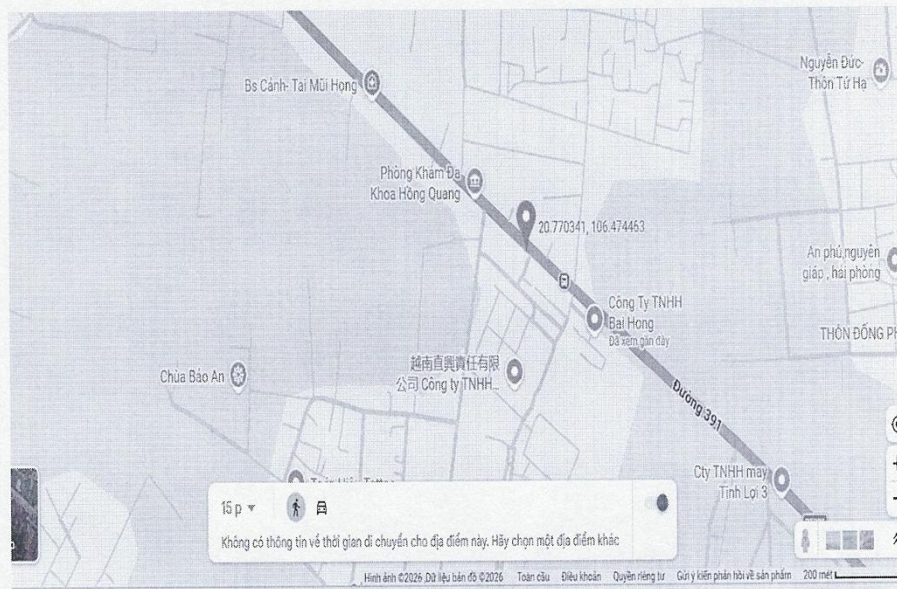
1.1. Tên dự án: Phòng khám liên chuyên khoa Mắt, Răng Hàm Mất thuộc Hộ kinh doanh PK Lê Thị Kim Dung.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án, nguồn vốn và tiến độ thực hiện

- Địa điểm phòng khám: Phòng khám liên chuyên khoa Mắt, Răng Hàm Mất có địa điểm hoạt động tại thôn An Quý, xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng.

- Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:
- + Phía Đông Bắc giáp đường tỉnh 391
- + Phía Đông Nam giáp đường ngõ
- + Phía Tây Nam giáp đất ông Tấn
- + Phía Tây Bắc giáp đất bà Quyên

Hình ảnh vị trí của cơ sở và các đối tượng xung quanh:



Hình 1: Vị trí của cơ sở

- Nguồn vốn: Tổng vốn đầu tư là 1.500.000.000 VNĐ

(Bằng chữ: Một tỉ năm trăm triệu đồng).

Tiến độ thực hiện: Hộ kinh doanh đang lắp đặt máy móc thiết bị, đang làm thủ tục pháp lý cho dự án trước khi đưa vào hoạt động. Dự kiến hoạt động trong quý IV năm 2026.

1.3. Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của Dự án

1.3.1. Quy mô, công suất

Dự án Phòng khám liên chuyên khoa Mắt, Răng Hàm Mặt xây dựng trên diện tích đất 110 m². Chủ dự án là hộ kinh doanh PK Lê Thị Kim Dung thuê lại mặt bằng của gia đình ông Bùi Duy Tấn và bà Phạm Thị Xuyên theo hợp đồng ngày 16/3/2026. Gia đình ông Bùi Duy Tấn và bà Phạm Thị Xuyên đã được UBND huyện Tứ Kỳ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 232075 ngày 22/7/2008 với diện tích là 83 m² và số BN 030660 ngày 08/09/2014 với diện tích là 90 m². Quy mô khám chữa mắt, răng hàm mặt trung bình của hộ kinh doanh là 10 người ngày.

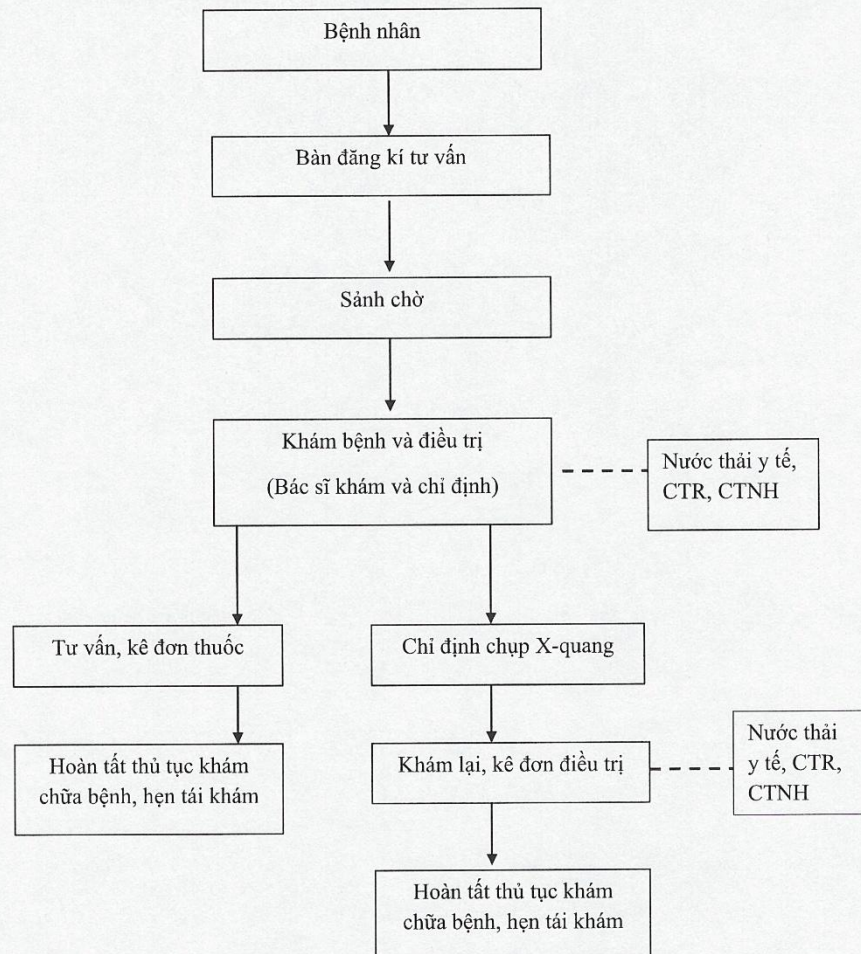
Việc quy hoạch các phòng chức năng của Phòng khám tuân thủ đúng quy định của thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế đáp ứng được hoạt động kinh doanh và loại hình phòng khám chuyên khoa.

Bảng 1. Chức năng của từng khoa phòng

TT	Tên phân khu chức năng	Chức năng nhiệm vụ
1	Khu vực bàn đón tiếp + thu ngân	Hướng dẫn làm thủ tục đăng kí khám chữa bệnh
2	Sảnh đón, chờ bệnh nhân	Bệnh nhân chờ đến lượt khám chữa bệnh
3	Khu vực ghế răng	Thực hiện khám và điều trị các bệnh về răng cho bệnh nhân
4	Khu vực khám mắt + quây kính	Thực hiện khám và điều trị các bệnh về mắt, bệnh nhân lựa chọn gọng kính tại quây
5	Khu vực xử lý dụng cụ + cất kính	Xử lý và tiệt trùng dụng cụ sau phẫu thuật, thủ thuật
6	Phòng chụp xquang	Nơi bệnh nhân được chụp xquang răng khi có chỉ định
7	Nhà vệ sinh	Phục vụ cho nhân viên + bệnh nhân

1.3.2. Quy trình hoạt động khám chữa bệnh

a. Quy trình khám chữa bệnh thông thường (nội khoa, ngoại khoa)



Hình 2: Quy trình khám chữa bệnh

*** Quy trình khám bệnh:**

- Bước 1: Bệnh nhân đến phòng khám được đón tiếp, tư vấn các vấn đề về mắt và bệnh răng miệng.
- Bước 2: Bệnh nhân chờ tại sảnh đến lượt
- Bước 3: Khám chuyên khoa
- Bước 4: Đối với một số bệnh nhân bác sĩ sau khi thăm khám sẽ tư vấn cách phòng và chữa bệnh.

Các bệnh nhân khác thực hiện cận lâm sàng theo chỉ định của bác sĩ (chụp X- Quang, chụp CT, xét nghiệm...)

- Bước 5: Hoàn thành khám, chữa bệnh, tư vấn và kê đơn thuốc, kê đơn kính (nếu có), hướng dẫn mua thuốc.

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của phòng khám

2.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của Phòng khám

Bảng 2. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ cho 1 năm hoạt động ổn định của Phòng khám

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	NaCl 0.9% 500ml	Chai	50
2	Nước cất 5ml	Ống	10
3	Povidone 10% 500ml	Chai	10
4	Cồn 70 ⁰	Chai	30
5	Găng tay	Hộp	20
6	Lidocain	Ống	200
7	Lidocain 10% xit	Lọ	1
8	Oxy già	Lọ	20
9	Adrenalin	Ống	10
10	Efferalgan 500mg	Viên	100
11	Băng dính lụa	Cuộn	1
12	Solumedrol 40mg	Lọ	3
13	Dimedrol	Ống	10
14	Ringer lactat	Chai	50
15	Alcain nhỏ mắt	Lọ	10
16	Bông y tế	Kg	01

Nguồn: Hộ kinh doanh PK Lê Thị Kim Dung

Bảng 3. Nhu cầu sử dụng điện, nước, nguyên nhiên liệu khác

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Điện	KWh/tháng	200
2	Nước sinh hoạt	m ³ /ngày	0.1
3	Nước hoạt động phòng khám (rửa dụng cụ)	m ³ /ngày	0.1

Nguồn: Hộ kinh doanh PK Lê Thị Kim Dung

2.2. Sản phẩm của Phòng khám

- Quy mô: Đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân sinh sống và làm việc trên địa bàn xã Nguyên Giáp và các khu vực lân cận với 03 ghế răng và tối đa 10 lượt bệnh nhân đến khám, chữa bệnh/ngày.

- Chức năng (phạm vi): Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt - răng hàm mặt

- Số lượng lao động phòng khám: 04 người cố định.

- Thời gian: Khám, chữa bệnh từ 17h30 đến 20h30 hàng ngày, cả ngày thứ 7 và chủ nhật. Tổng số ngày làm việc 30-31 ngày/tháng.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của Phòng khám

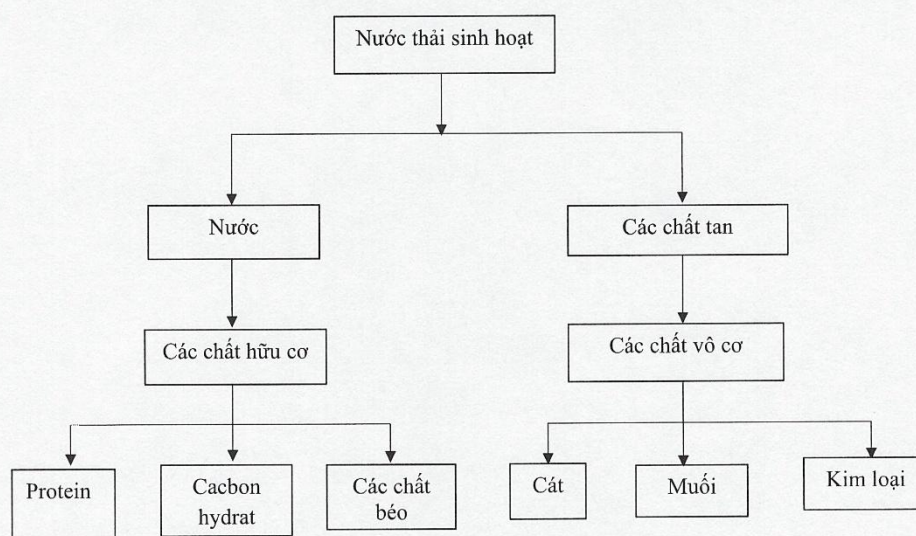
3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh

* Nước thải sinh hoạt:

Theo tiêu chuẩn 20/TCN của Bộ Xây dựng, lượng nước sử dụng cho sinh hoạt của 1 người làm việc trong ngày là 20 lít/người/ngày. Số cán bộ y bác sĩ làm việc tại Phòng khám là 4 người và tối đa 10 lượt khách/ngày (giả sử trung bình mỗi khách vào khám, chữa bệnh sử dụng 10 lít/người). Do vậy lượng nước sử dụng cho sinh hoạt của Phòng khám là: $Q = 4 \text{ người} \times 20 \text{ lít/người/ngày} + 10 \text{ người} \times 10 \text{ lít/người/ngày} = 180 \text{ lít ngày}$ (tương ứng $0,18\text{m}^3/\text{ngày}$)

Theo văn bản hợp nhất 13/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Bộ xây dựng thì lượng nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% nước sử dụng như vậy thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,18 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Thành phần của nước thải sinh hoạt bao gồm: COD, BOD5, NH3, các chất dinh dưỡng (N, P), SS (cặn lơ lửng), TS (cặn hòa tan), chất béo, vi khuẩn. Trong đó:



Hình 3: Thành phần của nước thải sinh hoạt

Nguồn: Trần Đức Hạ, Kỹ thuật môi trường, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật

* Nước thải vệ sinh dụng cụ, nước lau sàn:

Trung bình mỗi ngày phát sinh $0,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Trong nước thải vệ sinh có chứa nhiều hợp chất hoạt động bề mặt và những hợp chất tẩy rửa, những hợp chất này

trong nước thải gây ức chế vi sinh vật, làm giảm khả năng xử lý nước thải của vi sinh vật. Lượng nước thải này cũng được thu gom thoát theo đường thoát nước mặt vào hệ thống thoát nước của xã Nguyễn Giáp.

*** Nước thải trong quá trình chữa răng**

Nước thải trong quá trình chữa răng (nước thải nha khoa) là loại nước thải phát sinh từ các hoạt động súc miệng, mài răng, nhổ răng, trám răng và lấy cao răng...

Thành phần chính:

- Máu và dịch cơ thể: Chứa nhiều vi khuẩn, virus gây bệnh truyền nhiễm.
 - Mảnh vụn và chất hữu cơ: Vụn răng, mô vụn, thức ăn thừa.
 - Hóa chất y tế: Dung dịch sát khuẩn, chất tẩy rửa, hóa chất hàn răng
- Nước thải có từ hoạt động khám chữa răng phát sinh khoảng 50 lít/ngày

*** Nước mưa chảy tràn**

Trong những ngày có mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực phòng khám sẽ kéo theo đất cát, rác thải, và các chất bẩn trên bề mặt chảy vào nguồn tiếp nhận, gây ô nhiễm nguồn nước mặt.

Lưu lượng mưa và tải lượng chất ô nhiễm phụ thuộc vào cường độ mưa, diện tích bề mặt, lượng chất bẩn tích lũy.

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh

*** Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông:**

Thành phần phát sinh chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO, HC. Nồng độ các chất ô nhiễm như sau: Bụi (0,118 - 0,429 mg/m³); SO₂ (0,054 - 0,103 mg/m³); NO. (2,21 - 3,481 mg/m³); CO (0,521 - 1,632 mg/m³); HC (0,232 - 0,452 mg/m³).

*** Mùi, hơi hóa chất**

Trong quá trình khám chữa bệnh của phòng khám mùi, hơi hóa chất được phát sinh từ các nguồn sau:

- Mùi phát sinh do phân hủy chất hữu cơ trong rác thải sinh hoạt: Nếu các loại chất thải rắn sinh hoạt không được quản lý tốt, sự phân hủy các chất hữu cơ có trong chất thải rắn sinh hoạt sẽ tạo ra mùi và gây ô nhiễm các khu vực xung quanh.

- Mùi sinh ra từ các khu nhà vệ sinh công cộng, khu vực lưu trữ chất thải y tế, khu vực bể phốt, hệ thống thoát nước.

- Hơi dung môi hữu cơ như cồn, chất tiệt trùng.

Đặc tính của một số chất gây mùi, hơi hóa chất như sau:

+ Mùi khí amoniac (NH₃): phát sinh từ các khu vực vệ sinh công cộng trong phòng khám. Đây là một loại khí độc, hít phải có khả năng phồng đường hô hấp (triệu chứng nhẹ là rát cổ, khàn giọng...); mặt khác NH₃ còn tan được trong nước, có khả năng hòa lẫn vào nước, gây ngộ độc qua đường tiêu hóa...

+ Khí H₂S: phát sinh khi có sự phân hủy rác thải chứa các hợp chất hữu cơ, có mùi trứng thối, gây ngạt mạnh. Ở nồng độ 0,003 - 0,5 mg/m không khí, khi hít phải có thể bị ngạt, bị viêm màng kết do H₂S tác động vào mắt, bị các bệnh về phổi vì hệ thống hô hấp bị kích thích mạnh do thiếu ôxy, có thể gây thở gấp và ngừng thở. Khí H₂S ở nồng độ cao có thể gây tê liệt hô hấp.

+ Khí clo: do các hóa chất có các loại khí này thải ra, gây chênh lệch áp suất khuếch tán lên. Với một khối lượng lớn các chất này, cây cỏ, sinh vật mới bị bệnh “bạch tạng”, héo rũ và chết. Khí này cũng rất độc hại đối với người. Khí cho tấn công vào đường hô hấp của người, nhẹ thì gây viêm nhiễm đường hô hấp; nặng thì gây ức chế hệ thần kinh trung ương gây mất cảm giác.

* **Các vi khuẩn, vi rút:** Vi sinh vật đi vào môi trường không khí từ những người mắc bệnh thông qua vật phẩm y tế, chất thải bệnh nhân và đường hô hấp của bệnh nhân. Thông thường, hầu hết vi sinh vật sẽ cư trú trong những môi trường sống thuận lợi như rác thải, vật phẩm y tế, nước thải... Tuy nhiên, các vi khuẩn, virút ít có khả năng tự phát tán vào không khí mà thường là bám vào các hạt bụi lơ lửng rồi di chuyển dưới tác động của gió. Trong không khí, nhiều loại vi khuẩn, siêu vi khuẩn, vi rút có khả năng tồn tại rất lâu đặc biệt là dưới điều kiện thuận lợi về nhiệt độ, độ ẩm.

Bảng 4. Thời gian tồn tại của một số vi khuẩn gây bệnh có trong không khí

STT	Loại vi khuẩn	Thời gian tồn tại
1	Phế cầu	4-5 tháng
2	Liên cầu khuẩn tan huyết	2,5-6 tháng
3	Tụ cầu vàng	3 ngày
4	Trực khuẩn dịch hạch	8 ngày
5	Trực khuẩn bạch hầu	30 ngày
6	Trực khuẩn Lao Bacillus Koch	70 ngày

Nguồn: Theo Tổ chức Y tế Thế giới - WHO.

3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Phòng khám có thành phần chủ yếu là các loại thực phẩm thừa, bao bì đựng thực phẩm, bao bì rách..., khối lượng phát sinh là 0,5 kg/ngày.

3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Chất thải rắn thông thường phát sinh từ các hoạt động chuyên môn phục vụ công tác khám chữa bệnh là chất thải không chứa các yếu tố lây nhiễm, hoá chất nguy hại, chất dễ cháy, nổ, bao gồm:

- Chất thải phát sinh từ các hoạt động chuyên môn y tế như các chai lọ thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa. Những chất thải này không dính máu, dịch sinh học và các chất hoá học nguy hại có khối lượng không lớn, theo định mức tiêu hao hoạt động phát sinh khoảng 0,1 kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ các công việc hành chính: giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng các tông, túi nilon, túi đựng phim. Khối lượng khoảng 0,1 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân thường chứa hàm lượng chất hữu cơ cao, tác động trực tiếp đến các thành phần môi trường như phát sinh mùi hôi, ngăn cản dòng chảy của hệ thống cấp thoát nước tạo điều kiện thuận lợi cho các vi khuẩn, các loài vật gặm nhấm chuột, bọ sinh sôi và phát triển.

*** Nguồn chất thải lây nhiễm:**

Loại chất thải lây nhiễm phát sinh tại phòng khám như sau:

a) Chất thải lây nhiễm sắc nhọn là chất thải lây nhiễm có thể gây ra các vết cắt hoặc xuyên thủng bao gồm: kim tiêm; bơm liên kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền.

b) Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể.

c) Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Mẫu xét nghiệm

Lượng chất thải lây nhiễm theo định mức tiêu hao hoạt động phát sinh khoảng 0,1 kg/ngày.

*** Chất thải nguy hại không lây nhiễm:**

a) Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất;

b) Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng,

Lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm theo thống kê tại một số phòng khám tương tự như dự án phát sinh khoảng 0,1 kg/ngày.

3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Phòng khám gồm:

- Giẻ lau nhiễm dầu, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại: 1 kg/năm.

- Bóng đèn huỳnh quang thải: 1 kg/năm.

- Hộp mực in, photo có chứa các thành phần nguy hại: 1 kg/năm.

- Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại: 1 kg/năm.

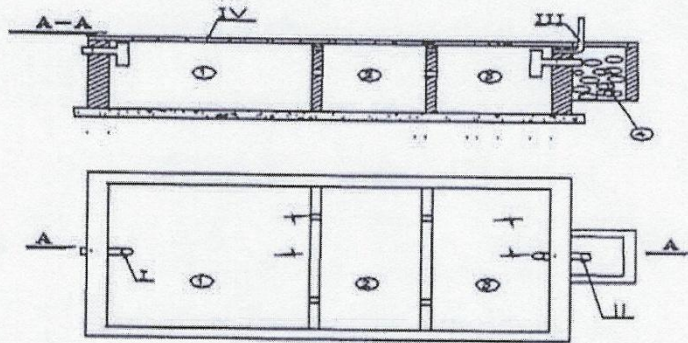
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh

** Nước thải sinh hoạt:*

Với tổng khối lượng nước thải phát sinh không lớn, phòng khám tiến hành thu gom toàn bộ nước thải trên về 01 bể phốt có tổng thể tích 2 m^3 , nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể phốt trước khi thoát ra cống thoát nước chung của đô thị.

Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn: Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Bể tự hoại 3 ngăn cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc, và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.



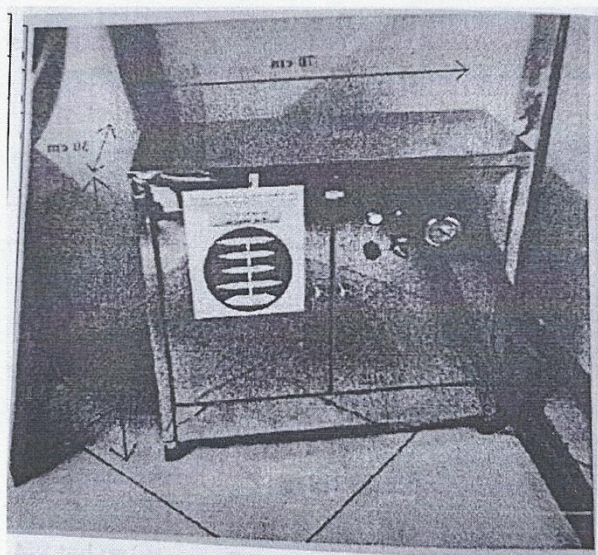
Hình 4: Bể tự hoại 3 ngăn

** Đối với nước thải từ quá trình chữa răng*

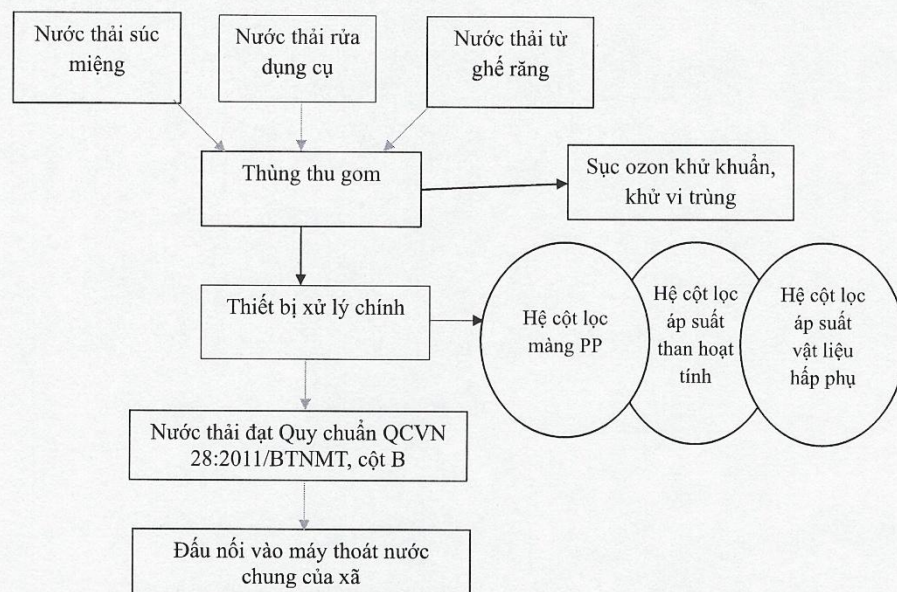
Nước thải có từ hoạt động khám chữa răng phát sinh khoảng 50 lít/ngày được phòng khám tiến hành thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 500 lít/ngày.đêm, nước thải được khử trùng trước khi thải vào hệ thống cống thoát nước của khu vực.

Bảng 5. Thông số của máy xử lý nước thải MTX500

Quy cách	MTX500
Công suất sử dụng	500 lít/ngày đêm
Quy mô sử dụng	Nha khoa quy mô nhỏ, chuyên khoa ngoại, xét nghiệm
Công suất điện	0,37 kw
Điện nguồn vào	AC220V
Kích thước (DxRxC)	700x300x700 cm
Vỏ thiết bị	Thép không rỉ
Phương thức nước vào	Tự chảy, hút, đẩy áp lực
Tiêu chuẩn	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT

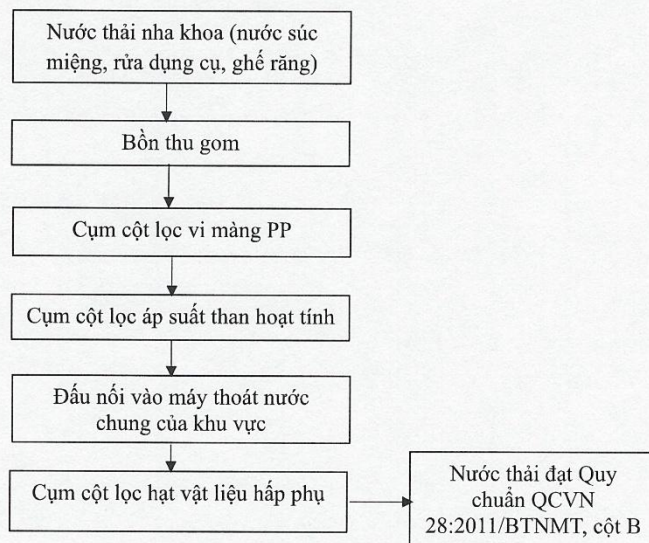


Hình 5: Hình ảnh thiết bị xử lý nước thải y tế MTX500



Hình 6: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của phòng khám

Nguyên lý hoạt động: Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải



Hình 7: Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Phòng khám bao gồm nước thải từ đường tiêu hóa, rửa dụng cụ sẽ theo đường ống thu gom nước thải dẫn về bồn thu gom. Do nước thải phát sinh từ phòng khám không thường xuyên nên bồn thu gom sẽ có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất có trong nước thải. Đồng thời tại đây sẽ tiến hành sục ô zôn để khử khuẩn và khử vi trùng gây mùi.

Sau đó nước thải sẽ được dẫn qua thiết bị xử lý chính gồm 3 hệ lọc:

Bảng 6. Các hạng mục của thiết bị xử lý

STT	Các hạng mục	Chức năng các hạng mục
1	Hệ lọc màng sợi rỗng MBBR	Dùng để xử lý các cặn lơ lửng, hàm lượng các chất như COD, BOD
2	Hệ lọc chứa than hoạt tính	Dùng để lọc các chất ô nhiễm còn lại từ cột lọc màng MBBR. Khử mùi hôi từ nước thải
3	Hệ cột lọc áp suất vật liệu hấp phụ	Lọc cặn và khử mùi hôi từ nước thải trước khi thải ra môi trường

Nước thải sau xử lý qua hệ cụm lọc vi sinh đạt QCVN 28:2010/BTNMT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về y tế, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống cống thoát nước chung của đô thị. (Các cơ sở y tế hoặc nhà máy đã có hồ sơ môi trường và đang áp dụng QCVN 28:2010/BTNMT trước ngày 01/09/2025 được phép tiếp tục áp dụng quy chuẩn cũ đến hết ngày 31/12/2031)

Hóa chất sử dụng: chất khử trùng.

Bảng 7. Danh mục máy móc thiết bị xử lý nước thải

STT	Thiết bị hạng mục	Mô tả kỹ thuật	Xuất xứ	Số lượng	ĐVT
1	Cột chứa than hoạt tính	- Vật liệu chế tạo: PVC	Việt Nam	01	Bộ
2	Bơm tăng áp nước thải từ thùng chứa	- Công suất 150w - Điện áp trực tiếp 220V - Cột áp tối đa 15m, lưu lượng 25 lít/phút - Dây quấn, cánh quạt, buồng bơm bằng đồng	Taiwan/VN	02	Cái
3	Cột lọc	- Vật liệu chế tạo: Ống PVC - Bao gồm vật liệu lọc, phụ kiện lắp đặt kèm...	Việt Nam	02	HT
4	Phao điện cực	- Điều khiển bơm hoạt động theo mức nước - Bao gồm giá đỡ, phụ kiện lắp đặt...	Việt Nam	02	Chiếc

5	Máy điều chế sục ozon	Chạy liên tục khi bơm chạy	Việt Nam	01	Chiếc
6	Tủ điện điều khiển tập trung	- Vò tủ sơn tĩnh điện – Thiết bị điện Sino – Việt Nam	Việt Nam	01	Chiếc
7	Dây điện	- Nối từ tủ điện đến các thiết bị - Không bao gồm dây dẫn từ nguồn đến tủ điện của thiết bị xử lý	Việt Nam	01	Bộ
8	Bể gom	- Gom, điều hòa nồng độ, lưu lượng nước thải - Chất liệu inox 304	Việt Nam	01	Chiếc
9	Vỏ bảo vệ máy	- Chất liệu thép không rỉ inox 304	Việt Nam	01	Chiếc

*** Nước mưa chảy tràn**

Để hạn chế tác động của nước mưa chảy tràn dự án thực hiện như sau:

- Nạo vét hố ga lắng cặn theo định kỳ 1 năm/lần hoặc trước khi cần thiết (đặc biệt trước khi vào mùa mưa)
- Thu gom rác thải hằng ngày, yêu cầu nhân viên và bệnh nhân không vất rác bừa bãi.

4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh

*** Đối với các phương tiện giao thông:**

- Bố trí khu vực để xe phù hợp.
- Hướng dẫn người nhà bệnh nhân và bệnh nhân đỗ xe đúng nơi quy định.

*** Biện pháp giảm thiểu mùi, hơi hóa chất**

- Các phòng thực hiện thông thoáng tự nhiên.
- Trang bị điều hòa không khí 2 chiều, công suất 27000 BTU, inverter.
- Tăng cường chất lượng công tác vệ sinh phòng khám, lau chùi, rửa sạch những nơi thường phát sinh mùi hôi. Tần suất 2 lần/ngày.
- Tổ chức thu gom rác thải liên tục, không để tồn trữ tại các phòng. Tần suất thu gom 1 lần/ngày.
- Đối với rác thải sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt được Công ty môi trường đô thị của khu vực đến thu gom hàng ngày.

*** Giảm thiểu mùi hôi:**

Mùi hôi được khắc phục bằng các biện pháp tổng hợp như sau:

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ tại các phòng khám chữa bệnh.

- Vệ sinh định kỳ hệ thống điều hòa để diệt vi khuẩn phát sinh trong hệ thống, khử mùi trong không khí.

- Tổ chức phân loại, thu gom rác thải liên tục không để tồn trữ trong các phòng gây phân hủy kỵ khí phát sinh mùi hôi do rác thải.

- Xử lý toàn bộ nước thải phát sinh nhằm làm tăng khả năng thoát nước nhanh, không gây phân hủy chất hữu cơ trong thời gian lưu trữ trong cống thoát.

4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Phòng khám hiện có các biện pháp sau:

- Thực hiện phân loại theo thành phần chất thải như: Giấy, nilông, thực phẩm thừa. Trang bị 2 loại thùng chứa, một loại chứa giấy, nilông; một loại chứa thực phẩm thừa. Các thùng chứa khác nhau đặt tại vị trí phát sinh.

- Thùng chứa: Loại thùng nhựa 10 lít/thùng; số lượng thùng được trang bị 02 thùng.

- Đối với rác thải sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt được Công ty môi trường đô thị của khu vực đến thu gom hàng ngày. Phòng khám có trách nhiệm đóng phí theo đúng quy định.

4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh

- Thùng chứa: Loại thùng nhựa 10 lít/thùng; số lượng thùng được trang bị 02 thùng phân bố đều tại các khu vực phát sinh

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh

4.5.1. Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải:

a) Mỗi phòng, bộ phận bố trí vị trí để đặt các bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế;

b) Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế phải có hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải.

4.5.2. Quy trình thu gom xử lý chất thải y tế:

*** Thu gom chất thải y tế**

1. Thu gom chất thải lây nhiễm:

a) Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế,

b) Trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải trong quá trình thu gom.

c) Cơ sở y tế quy định tuyến đường và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong cơ sở y tế.

d) Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ trước khi thu gom về khu lưu giữ, xử lý chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế.

đ) Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế ít nhất 01 (một) lần/ngày.

e) Đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, tần suất thu gom chất thải lây nhiễm sắc nhọn từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tạm thời trong khuôn viên cơ sở y tế hoặc đưa đi xử lý, tiêu hủy tối thiểu là 01 (một) lần/tháng.

2. Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm:

a) Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế;

b) Thu gom chất hàn răng amalgam thải và thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân: Chất thải có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp và bảo đảm không bị rò rỉ hay phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

3. Thu gom chất thải y tế thông thường: Chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế và chất thải y tế thông thường không phục vụ mục đích tái chế được thu gom riêng.

4.5.3. Phương án xử lý

a. Đối với chất thải y tế không nguy hại

Đối với chất thải rắn y tế không độc hại như các chai lọ thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa... Những chất thải này không dính máu, dịch sinh học và các chất hoá học nguy hại. Phòng khám thu gom và thuê đơn vị môi trường địa phương tới thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 lần/tháng.

b. Đối với chất thải nguy hại

- Để xử lý rác thải y tế nguy hại, Phòng khám ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 tuần/lần.

- Đối với các chất thải nguy hại khác: như bóng đèn huỳnh quang, phim Xquang bị hỏng thuộc danh mục chất thải nguy hại, hóa chất thải, chất thải thủy ngân,...khối lượng không nhiều. Phòng khám ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 3 tháng/lần.

5. Giám sát khí thải, nước thải

Giám sát khí thải, nước thải: Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 11 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hoạt động của

Phòng khám không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường tự động, liên tục và định kỳ do không có lưu lượng xả thải nước thải lớn ra môi trường và không có lưu lượng xả khí thải lớn ra môi trường.

6. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Cam kết trong quá trình hoạt động, phòng khám đảm bảo đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bao gồm:

* Môi trường không khí: Các chất ô nhiễm trong khí thải của phòng khám khi thải ra môi trường bảo đảm đạt các tiêu chuẩn sau:

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

* Tiếng ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của phòng khám sẽ đạt các tiêu chuẩn cho phép bao gồm:

- QCVN 26:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

* Độ rung: Đảm bảo độ rung sinh ra từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của phòng khám sẽ đạt các quy chuẩn cho phép bao gồm:

- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

* Nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt giá trị theo cột B, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (áp dụng đến hết ngày 31/12/2031)

* Chất thải rắn và chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi

trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

* Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật. Chủ hộ kinh doanh cam kết thực hiện các quy định cụ thể về an toàn phòng cháy, chữa cháy tại hộ kinh doanh trong quá trình hoạt động, trang bị các phương tiện, dụng cụ chữa cháy, phương tiện cứu người, đảm bảo các điều kiện phục vụ chữa cháy và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố cháy nổ trong quá trình hoạt động của hộ kinh doanh.

* Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó có môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

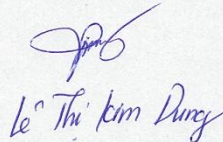
Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Nguyên Giáp tiếp nhận đăng ký môi trường của phòng khám “Phòng khám liên chuyên khoa Mắt - Răng Hàm Mặt”.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

HỘ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG



Lê Thị Kim Dung

PHỤ LỤC

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 037193005062

Đăng ký lần đầu, ngày 02 tháng 04 năm 2026

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 17 tháng 08 năm 2026

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt: HỘ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG

2. Trụ sở của hộ kinh doanh: Thôn An Quý, Xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0385986315

Fax:

Thư điện tử: dungthuong1906@gmail.com

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (Khám mắt và răng hàm mặt)	8620 (Chính)
2	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) (Bán lẻ kính thời trang, kính cận, loạn, viễn, kính tiếp xúc, mài lắp kính Bán lẻ thiết bị chăm sóc và vệ sinh mắt - răng hàm mặt.)	4773
3	Bán lẻ thực phẩm (Bán lẻ thực phẩm chức năng, vitamin, khoáng chất)	4722

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 1.500.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Một tỷ năm trăm triệu đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân**6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:**

Họ và tên: LÊ THỊ KIM DUNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 19/11/1993 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 037193005062

Nơi thường trú: Thôn An Phú, Xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Nơi ở hiện tại: Thôn An Phú, Xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam



UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ Y TẾ

Số: 009606/HD - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

*Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng phòng nghiệp vụ y,*

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **LÊ THỊ KIM DUNG**

Ngày, tháng, năm sinh: 19/11/1993

Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước: 164487144

Ngày cấp: 28/12/2007 Nơi cấp: Công an Hải Dương

Địa chỉ cư trú: xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ,
tỉnh Hải Dương.

Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ định hướng chuyên khoa mắt

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh

Chuyên khoa mắt

Hải Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2021

GIÁM ĐỐC



[Signature]
Phạm Mạnh Cường

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ Y TẾ

Số: 0008063/HD - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề y được tư nhân,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **ĐOÀN HUY THƯƠNG**

Ngày, tháng, năm sinh: 06/4/1993

Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước: 142639976

Ngày cấp: 01/4/2013. Nơi cấp: Công an Hải Dương

Địa chỉ cư trú: Xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ,
tỉnh Hải Dương

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ Răng hàm mặt

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh
chuyên khoa răng hàm mặt.

Hải Dương, ngày 30 tháng 7 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Phạm Mạnh Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2026

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của các bên tham gia Hợp đồng;

Hôm nay, ngày 16 tháng 03 năm 2026, các Bên gồm:

BÊN CHO THUÊ (Bên A):

Đại diện: ông BÙI DUY TẤN

CCCD số: 030077008348. Cơ quan cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 30/03/2021

Nơi ĐKTT: Thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng.

Cùng vợ là bà: PHẠM THỊ XUYẾN

CCCD số: 030180008829. Cơ quan cấp: Bộ Công An. Ngày cấp: 25/02/2025

Nơi ĐKTT: Thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng.

BÊN THUÊ (Bên B) :

Đại diện: ông (bà) LÊ THỊ KIM DUNG

CCCD số: 037193005062. Cơ quan cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 09/04/2021

Nơi ĐKTT: Thôn An Phú, xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng.

Bên A và Bên B sau đây gọi chung là **“Hai Bên”** hoặc **“Các Bên”**.

Sau khi thảo luận, Hai Bên thống nhất đi đến ký kết Hợp đồng thuê nhà (**“Hợp Đồng”**) với các điều khoản và điều kiện dưới đây:

Điều 1. Nhà ở và các tài sản cho thuê kèm theo nhà ở:

- 1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B cũng đồng ý thuê căn nhà tại địa chỉ Xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là **“Tài sản cho thuê”**) để sử dụng kinh doanh hợp pháp. Cụ thể:

Tại thửa số 376, tờ bản đồ số 04

Nguyễn Tấn

[Signature]

Địa chỉ thửa đất: Xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng.

Diện tích: 90 m², Chín mươi mét vuông

Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn (90 m²)

Thời hạn sử dụng: Lâu dài

Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận quyền sử dụng đất do nhận tặng cho quyền sử dụng đất

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN030660 vào sổ cấp số CH02802 ngày 08/09/2014 do UBND huyện Tứ Kỳ cấp ngày 08/09/2014

1.2. Bên A cam kết quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất trên là tài sản sở hữu hợp pháp của Bên A. Mọi tranh chấp phát sinh từ tài sản cho thuê trên Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 2. Bàn giao và sử dụng diện tích thuê:

2.1. Thời điểm Bên A bàn giao tài sản thuê vào ngày 16 tháng 03 năm 2026;

2.2. Bên B được toàn quyền sử dụng tài sản thuê kể từ thời điểm được Bên A bàn giao từ thời điểm quy định tại Mục 2.1 trên đây.

Điều 3. Thời hạn thuê

3.1. Bên A cam kết cho Bên B thuê tài sản thuê với thời hạn là 10 năm kể từ ngày bàn giao Tài sản thuê;

3.2. Hết thời hạn thuê nêu trên nếu bên B có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì Bên A phải ưu tiên cho Bên B tiếp tục thuê.

Điều 4. Đặt cọc tiền thuê nhà

4.1. Bên B sẽ giao cho Bên A một khoản tiền là 10.000.000 VNĐ (bằng chữ: mười triệu đồng.) ngay sau khi ký hợp đồng này. Số tiền này là tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện Hợp đồng cho thuê nhà.

4.2. Nếu Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thực hiện nghĩa vụ báo trước tới Bên A ít nhất là 6 tháng thì Bên A sẽ không phải hoàn trả lại Bên B số tiền đặt cọc này.

Nếu Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thực hiện nghĩa vụ báo trước tới bên B thì bên A sẽ phải hoàn trả lại Bên B số tiền đặt cọc và phải bồi thường thêm một khoản bằng chính chi phí sửa chữa và sang nhượng mặt bằng ban đầu là 200.000.000 VNĐ (bằng chữ: 200 triệu đồng)

Nguyễn Tấn



4.3. Tiền đặt cọc của Bên B sẽ không được dùng để thanh toán tiền thuê. Nếu Bên B vi phạm Hợp Đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A thì Bên A có quyền khấu trừ tiền đặt cọc để bù đắp các chi phí khắc phục thiệt hại phát sinh. Mức chi phí bù đắp thiệt hại sẽ được Các Bên thống nhất bằng văn bản.

4.4. Vào thời điểm kết thúc thời hạn thuê hoặc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng, Bên A sẽ hoàn lại cho Bên B số tiền đặt cọc sau khi đã khấu trừ khoản tiền chi phí để khắc phục thiệt hại (nếu có).

Điều 5. Tiền thuê nhà:

5.1 Tiền thuê nhà đối với diện tích thuê nêu tại mục 1.1 Điều 1

5.1.1 Tiền thuê nhà là: 8.000.000 VNĐ/1tháng (*Bằng chữ: Tám triệu đồng/1tháng*) giá tiền thuê này được giữ nguyên trong vòng 2 năm tính từ thời điểm thuê nhà sau đó từ năm thứ 3 số tiền thuê nhà là 10.000.000 VNĐ/1tháng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng/1tháng*). Từ năm thứ 4 tăng mỗi năm 500.000 VNĐ/tháng (*Bằng chữ: năm trăm nghìn đồng/ tháng*). Giá trên đã bao gồm các loại thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành.

5.1.2 Hình thức thanh toán: Việc thanh toán Tiền Thuê nhà và chi phí sử dụng Tài sản Thuê theo Hợp Đồng này được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam theo hình thức trả trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

5.1.3 Thời gian thanh toán: Thanh toán 06 tháng/1lần

5.2 Trong thời gian thuê nhà nếu xảy ra thiên tai, dịch bệnh hoặc các yếu tố khách quan khác mà ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của bên B hoặc bên B phải tạm dừng hoạt động thì tiền thuê nhà sẽ được 2 bên thỏa thuận thống nhất hợp lý. Trường hợp bất khả kháng mà căn nhà phải dừng hoạt động, bên A sẽ miễn phí 100% tiền thuê nhà cho bên B trong thời gian bên B dừng hoạt động.

5.3 Mọi chi phí sử dụng Diện tích thuê nhà bao gồm tiền điện, nước, vệ sinh.... sẽ do bên B trả theo khối lượng, công suất sử dụng thực tế của Bên B hàng tháng, được tính theo đơn giá của nhà nước.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê nhà

6.1. Quyền lợi

- Yêu cầu Bên B thanh toán tiền thuê và chi phí khác đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- Yêu cầu Bên B phải sửa chữa phần hư hỏng, thiệt hại do lỗi của Bên B gây ra.

Được *Được*

Tân

7.2. Nghĩa vụ của bên cho thuê

- Bàn giao diện tích thuê cho Bên B theo đúng thời gian quy định trong Hợp đồng;
- Đảm bảo việc cho thuê theo Hợp đồng này là đúng quy định của pháp luật;
- Đảm bảo cho Bên B thực hiện quyền sử dụng diện tích thuê một cách độc lập và liên tục trong suốt thời hạn thuê, trừ trường hợp vi phạm pháp luật và/hoặc các quy định của Hợp đồng này.
- Không xâm phạm trái phép đến tài sản của Bên B trong phần Tài Sản Thuê. Nếu Bên A có những hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên B trong thời gian thuê thì Bên A phải bồi thường.
- Tạo điều kiện cho bên B lắp đặt hệ thống trang thiết bị y tế đúng theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà sản xuất để đảm bảo vận hành tốt trong quá trình hoạt động.
- Tuân thủ các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc/và các văn bản kèm theo Hợp đồng này; hoặc/và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của bên thuê nhà

7.1. Quyền lợi

- Nhận bàn giao diện tích thuê theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng;
- Được sử dụng phần diện tích thuê làm nơi ở và các hoạt động hợp pháp khác;
- Yêu cầu Bên A sửa chữa kịp thời những hư hỏng không phải do lỗi của Bên B trong phần diện tích thuê để bảo đảm hoạt động kinh doanh an toàn;
- Được tháo dỡ và đem ra khỏi phần diện tích thuê các tài sản, trang thiết bị của Bên B đã lắp đặt trong phần diện tích thuê khi hết thời hạn thuê hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng.

7.2. Nghĩa vụ

- Sử dụng diện tích thuê đúng mục đích đã thỏa thuận, giữ gìn nhà ở và có trách nhiệm trong việc sửa chữa những hư hỏng do mình gây ra;
- Thanh toán tiền đặt cọc, tiền thuê đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận;
- Trả lại diện tích thuê cho Bên A khi hết thời hạn thuê hoặc chấm dứt Hợp đồng thuê;
- Mọi việc sửa chữa, cải tạo, lắp đặt bổ sung các trang thiết bị làm ảnh hưởng đến kết cấu của căn phòng..., Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A và

Tân duy

chỉ được tiến hành các công việc này sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A;

- Tuân thủ một cách chặt chẽ quy định tại Hợp đồng này và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà:

Trong trường hợp một trong Hai Bên muốn đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 6 (sáu) tháng so với ngày mong muốn chấm dứt. Nếu một trong Hai Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo cho Bên kia thì sẽ phải bồi thường cho bên đó một khoản tiền thuê tương đương với thời gian không thông báo và các thiệt hại khác phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng trái quy định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký kết;
- Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này trên tinh thần hợp tác, thiện chí;
- Mọi sửa đổi, bổ sung đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của mỗi Bên. Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng có giá trị pháp lý như Hợp đồng, là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

BÊN CHO THUÊ (ký và ghi rõ họ tên)	BÊN THUÊ (ký và ghi rõ họ tên)
--	--

duyên
phan thi duyên
Tân
Bùi Duy Tân

Kim Dung
Le Thi Kim Dung

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC CHỮ KÝ

Ngày 09 tháng 4 năm 2026. (Bằng chữ: Ngày chín, tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu).

Tại UBND xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng.

Tôi : Nguyễn Văn Bình, là Phó giám đốc trung tâm phục vụ hành chính công xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng.

Chứng thực

Lê Thị Kim Dung, CCCD 037193005062, ngày cấp 09/4/2021 nơi cấp cục cảnh sát

Bùi Duy Tấn, CCCD 030077008348, ngày cấp 30/3/2021 nơi cấp cục cảnh sát

Phạm Thị Xuyên, CC 030180008829, ngày cấp 25/02/2025 nơi cấp bộ công an

Các ông bà có tên trên cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã cùng ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt bà Nguyễn Thị Huyền Trang là người tiếp nhận hồ sơ.

Số chứng thực 112 quyền số 01/2026 - SCT/CK, ĐC

Người tiếp nhận hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Nguyễn Thị Huyền Trang

Người thực hiện chứng thực
(Ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



TUQ. CHỦ TỊCH
PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PVHCC
NGUYỄN VĂN BÌNH



VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan quản lý địa chính
1/1/2014	Đang bị kê biên để thi hành án, theo Quyết định số 1443/2014/QĐ-TCHT của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/10/2014 về việc kê biên tài sản để thi hành án.	PHÒNG QUẢN LÝ ĐỊA CHÍNH THị xã Hòa Ninh K. GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN TIÊU
1/2/2017	Xóa nội dung kê biên tài sản theo Quyết định số 1443/2014/QĐ-TCHT của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/10/2014 về việc kê biên tài sản để thi hành án.	PHÒNG QUẢN LÝ ĐỊA CHÍNH THị xã Hòa Ninh K. GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN TIÊU
1/12/2021	Đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CMND) số 141846815 do CA Hải Dương cấp ngày 09/03/2015; theo hồ sơ số: 02326.DT.004.	PHÒNG QUẢN LÝ ĐỊA CHÍNH THị xã Hòa Ninh K. GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN TIÊU
1/2/2021	Xóa nội dung đăng ký Hết hạn sử dụng đất theo Quyết định số 1443/2014/QĐ-TCHT của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/10/2014 về việc kê biên tài sản để thi hành án.	PHÒNG QUẢN LÝ ĐỊA CHÍNH THị xã Hòa Ninh K. GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN TIÊU
1/2/2021	Ông Bùi Duy Tấn thay đổi từ CMND số 141846815 do CA Hải Dương cấp ngày 12/08/2014 thành CMND số 141846815 do CA Hải Dương cấp ngày 09/03/2015; theo hồ sơ số: 02326.DT.004.	PHÒNG QUẢN LÝ ĐỊA CHÍNH THị xã Hòa Ninh K. GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN TIÊU

ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền (thị trấn, huyện, thành phố, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) để được cấp sổ đỏ, sổ hồng; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, chấp nhận, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất, chuyển mục đích sử dụng đất; có quyền chuyển đổi từ nhà ở công cộng sang nhà ở riêng lẻ; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, xây sửa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Số 12/2021/Đ

H02326

[illegible]

A circular official stamp from the Hanoi City People's Committee. The outer ring contains the text "HÀ NỘI - VIỆT NAM" at the top and "ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI" at the bottom. The center features a five-pointed star above the words "THÀNH PHỐ" and "HÀ NỘI".

[illegible][illegible]

A circular official stamp from the Hanoi People's Committee. The outer ring contains the text "HANOI PEOPLE'S COMMITTEE" at the top and "VIỆT NAM" at the bottom. The inner circle contains the text "ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI".

[illegible]

A circular official stamp from the Hanoi People's Committee. The outer ring contains the text "HÀ NỘI NHÂN DÂN QUẢN LÝ HỘI ĐỒNG" (Hanoi People's Management Board). The inner circle contains the text "H. T. K. T. H. A. I. D. U. O. N." which likely stands for "Hội đồng quản lý thành phố Hà Nội" (City Management Board of Hanoi).

[illegible][illegible]

A circular official stamp from the Hanoi City People's Committee. The outer ring contains the text "HÀ NỘI - VIỆT NAM" at the top and "ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI" at the bottom. The center features a five-pointed star above the words "THÀNH PHỐ" and "HÀ NỘI".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ
CHỨNG NHẬN

I. Người sử dụng đất:

ÔNG BUI DUY TẤN

Năm sinh: 1977, CMND số 141846815 cấp ngày 12/08/2002 tại công an tỉnh Hải Dương

BÀ PHẠM THỊ XUYẾN

Năm sinh: 1980, CMND số 141918077 cấp ngày 22/08/1996 tại công an tỉnh Hải Hưng

Địa chỉ thường trú: Xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

BN 030660

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất:
 - a) Thừa đất số: 376
 - b) Địa chỉ thửa đất: Xã Nguyễn Giáp, huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương
 - c) Diện tích: 90 m²
 - d) Hình thức sử dụng: Riêng 90 m² Chung không m²
 - e) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn (90 m²)
 - f) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
 - g) Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận quyền sử dụng đất do nhận tặng cho quyền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-
3. Công trình xây dựng khác: -/-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Không có
5. Cây lâu năm: -/-
6. Ghi chú:

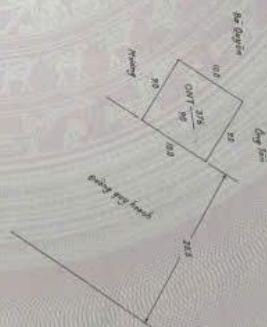
Tư Kỳ, ngày 08 tháng 9 năm 2014

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



NGUYỄN VĂN SÂM
PHÓ CHỦ TỊCH

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

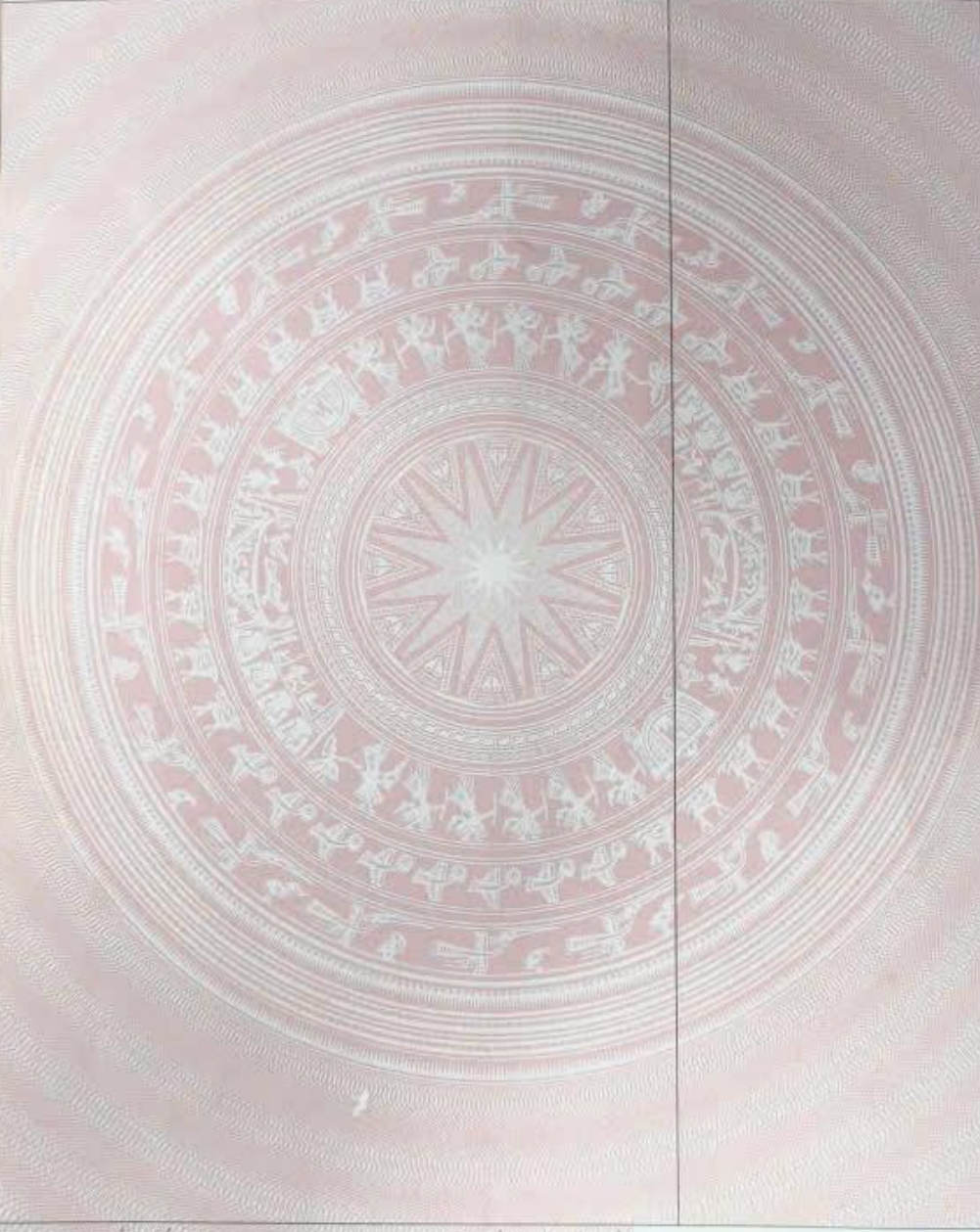


Tỷ lệ: 1/500

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận:

CH02802

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.	

11146.14.001593

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại)

Số: 494.2026/HĐPK/AS-LTKD

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành; Có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;
- Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BTNMT ban hành ngày 26/11/2021, có hiệu lực từ ngày 10/01/2022 quy định về quản lý chất thải y tế;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 449/GPMT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp cho Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh ngày 13 tháng 11 năm 2023;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 08 năm 2026, tại Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, chúng tôi gồm có:

BÊN A: HỘ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG

Địa chỉ: Thôn An Quý, xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng

Số căn cước công dân: 037193005062

Điện thoại: 0385986315

Đại diện: Bà **Lê Thị Kim Dung**

Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh



BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Gia Phúc, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0800754983

Điện thoại: 0220 3717555

Fax: 0220 3717555

Tài khoản số: 0341006990138 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông Nguyễn Công Thụy

Chức vụ: Phó Giám đốc

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng dịch vụ (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế phát sinh trong quá trình hoạt động của bên A đến địa điểm xử lý tại nhà máy xử lý chất thải của bên B theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 2. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- **Đặc tính chất thải:** Chất thải y tế (các mã chất thải theo Giấy phép môi trường số 449/GPMT-BTNMT).

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Chất thải y tế và lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01
2	Hóa chất thải bao gồm có hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	13 01 02
3	Chế phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn	13 01 03

- **Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại khu tập kết chất thải của bên A tại

HỢ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG

Địa chỉ: Thôn An Quý, xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng

- **Địa điểm lưu giữ và xử lý:** Tại nhà máy xử lý chất thải của bên B.

- **Số lượng:** Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển của bên B.

- **Phương tiện vận chuyển:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho chất thải lên xe.

- **Thời gian thực hiện:** Theo khối lượng, thỏa thuận giữa hai bên theo nguyên tắc: việc thu gom, vận chuyển chất thải phù hợp với điều kiện, khả năng thực hiện của bên B. Bên B thực hiện thu gom, vận chuyển trong thời gian hợp lý, phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- **Giao nhận:** Khi giao nhận chất thải tại địa điểm bên A, hai bên sẽ tiến hành lập biên bản giao nhận theo mẫu của bên A có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của các bên.

ĐIỀU 3. PHÍ DỊCH VỤ, ĐỐI SOÁT, THANH TOÁN

3.1/ Phí dịch vụ:

- Phí duy trì hợp đồng là: **12.000.000 đồng/năm** (Bằng chữ: Mười hai triệu đồng trên một năm./.).

Ghi chú: Phí này được xuất hóa đơn trong vòng 30 ngày sau khi ký kết hợp đồng và thực hiện thanh toán theo quy định tại Điều 3.2b của Hợp đồng. Phí được áp dụng và duy trì trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng (kể cả có phát sinh hay không phát sinh khối lượng)

+ Trường hợp có phát sinh khối lượng, đơn giá nêu trên chỉ áp dụng đối với khối lượng chất thải do bên A bàn giao cho bên B với tổng khối lượng tối đa 300 kg/năm, và số lần vận chuyển tối đa 52 lần/năm..

➢ Trường hợp khối lượng chất thải phát sinh vượt khối lượng trên thì đơn giá được tính bổ sung là 20.000 đồng/kg (Hai mươi nghìn đồng một kilogram) tính trên khối lượng vượt quá đó.

➢ Trường hợp số lần vận chuyển phát sinh vượt 52 lần/năm, Bên A thanh toán bổ sung chi phí vận chuyển là 500.000 đồng/chuyến đối với mỗi chuyến vận chuyển vượt.

- Các loại đơn giá và phí trên chưa bao gồm thuế GTGT

Trường hợp đơn giá có sự biến động theo thị trường, bên B sẽ thông báo cho bên A trước 10 ngày về đơn giá mới để các bên bàn bạc và thống nhất. Trường hợp không thống nhất được về đơn giá mới thì mỗi bên có quyền chấm dứt Hợp đồng.

- Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở đơn giá và số lượng chất thải thực tế phát sinh đã bàn giao.

3.2/ Đối soát, thanh toán

a. Đối soát:

- Việc nghiệm thu khối lượng chất thải sẽ được thực hiện khi Hợp đồng chấm dứt. Căn cứ vào các Biên bản giao nhận của từng chuyến vận chuyển trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B sẽ lập Biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải đã vận chuyển, gửi Bên A để đối soát và nghiệm thu.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản tổng hợp khối lượng, Bên A có trách nhiệm kiểm tra, ký xác nhận và gửi lại cho Bên B. Quá thời hạn nêu trên mà Bên B không nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản của Bên A thì Biên bản tổng hợp khối lượng do Bên B lập được coi là đã được Bên A chấp thuận và là căn cứ để các bên thực hiện việc nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng và các nghĩa vụ liên quan (nếu có).

b. Thanh toán:

- Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong vòng 05 ngày sau khi nhận được hóa đơn hợp lệ do Bên B phát hành.

- Bên A thanh toán cho bên B phí dịch vụ bằng hình thức sau:

+ Thanh toán bằng tiền mặt cho Bộ phận kế toán có chức năng thu tiền của bên B.

+ Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bên B như sau:

Tên tài khoản: **Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh;**

Số tài khoản: **0341006990138** tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

- Trường hợp bên A thanh toán không đúng tài khoản ngân hàng của bên B hoặc thanh toán bằng tiền mặt không đúng nhân sự phụ trách kế toán có chức năng thu tiền của bên B thì được coi như chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bên A, bên A tự chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán sai đối tượng nhận tiền.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA HAI BÊN

4.1/ Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:

- Bên A có trách nhiệm chủ động thông báo cho Bên B về nhu cầu chuyển giao chất thải y tế phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng để Bên B bố trí nhân lực, phương tiện và nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm với cơ quan nhà nước đối với chất thải y tế nguy hại lưu trữ quá thời hạn pháp luật quy định mà không bàn giao cho bên B.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của bên B vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

- Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại đóng bao chất thải y tế, bảo quản theo đúng quy định. Các chất thải không được có chất phóng xạ (riêng phế thải là chai lọ thủy tinh, cao su, chất thải từ phòng phẫu thuật, tiểu phẫu, phòng thí nghiệm phải được phân loại đóng gói riêng).

- Đảm bảo thành phần chất thải không được trộn lẫn với các chất thải khác khi bàn giao cho bên B. Trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, bên A phải thông báo cho bên B cùng thời điểm thông báo bàn giao chất thải để bên B có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp. Trường hợp hai bên không thống nhất được đơn giá tương ứng với loại chất thải thực tế, không thống nhất được phương án xử lý thì bên B có quyền từ chối vận chuyển theo đề nghị của bên A.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Cử cán bộ, nhân viên hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán. Cam kết nhân sự ký kết tại các biên bản giao nhận khối lượng chất thải với đại diện bên B là đại diện hợp pháp của bên A.

- Bên A được quyền kiểm tra việc thu gom, vận chuyển chất thải của bên B tại khu vực chuyển giao chất thải.

- Trường hợp Hợp đồng chấm dứt hoặc hết hiệu lực mà Bên A không thông báo để chuyển giao chất thải phát sinh, dẫn đến không phát sinh dịch vụ theo Hợp đồng, thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với việc quản lý, lưu giữ và xử lý số chất thải đó theo quy định của pháp luật; đồng thời Bên B không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến khối lượng chất thải chưa được Bên A bàn giao.

4.2/ Trách nhiệm và quyền hạn của bên B:

- Bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời điểm đến nhận chất thải.

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định khi ra vào cơ quan, nội quy PCCC, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn bên A.

- Vận chuyển đúng khối lượng và đúng chủng loại chất thải của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng các quy định về vận chuyển và xử lý chất thải. Chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển (kể từ lúc ra khỏi cổng của bên A);

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm với chất thải của bên A đã nhận bàn giao.

- Cung cấp hóa đơn tài chính cho bên A.

- Trường hợp vì lý do bất khả kháng, trở ngại khách quan mà không thể lấy chất thải theo đúng thời hạn của Hợp đồng, bên B phải thông báo cho bên A biết để hai bên cùng đưa ra phương án xử lý.

- Được quyền yêu cầu bên A thanh toán chi phí vận chuyển đúng thời hạn thanh toán và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo các quy định tại hợp đồng này.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- Trường hợp một trong hai bên không thực hiện theo đúng trách nhiệm của mình dẫn đến gây ra thiệt hại cho bên còn lại thì bên có lỗi phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

- Trường hợp bên A chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, bên A phải thanh toán thêm cho bên B một khoản tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng tương ứng số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Đồng thời, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, ngừng cung cấp dịch vụ cho bên A.

ĐIỀU 6. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,... Khi một trong hai bên gặp phải các sự kiện bất khả kháng dẫn đến không thể thực hiện nghĩa vụ của mình thì:

+ Bên gặp phải các sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa, các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.

+ Bên gặp phải các sự kiện bất khả kháng vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

+ Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ bị tạm ngừng ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng ngay sau khi tác động của sự kiện bất khả kháng chấm dứt.

ĐIỀU 7. THÔNG BÁO

- Các bên có trách nhiệm thông báo cho bên còn lại về đầu mối có thẩm quyền liên hệ công việc liên quan đến Hợp đồng này.

- Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thông báo chỉ có giá trị pháp lý với bên còn lại khi thể hiện bằng văn bản và chuyển theo một trong các hình thức văn bản trao tay, fax hoặc email/zalo của người có thẩm quyền. Thông báo thể hiện bằng điện thoại chỉ có giá trị tham khảo.

- Trường hợp các bên gửi nhiều thông báo, thông báo cuối cùng theo thời gian sẽ được áp dụng. Nếu thông báo nhận được cùng thời gian sẽ áp dụng theo thứ tự ưu tiên: email/zalo, fax, văn bản trao tay.

- Mỗi bên sẽ thông báo cho bên kia về bất kỳ thay đổi nào đối với đầu mối liên hệ, địa chỉ, số điện thoại, email/zalo của mình.

ĐIỀU 8. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam. Các quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác chưa được quy định tại Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh theo các quy định pháp luật có liên quan.

- Mọi tranh chấp phát sinh từ việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này sẽ được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng, hoà giải trên tinh thần thiện chí. Các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng không có tranh chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- Trường hợp các bên không giải quyết được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi bên B đặt trụ sở chính. Mọi chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp, bao gồm cả chi phí luật sư, công chứng, thừa phát lại, thẩm định, giám định,... sẽ do bên thua kiện chịu theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 9. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký 13/08/2026 cho đến hết ngày 12/08/2027. Khi hết thời hạn hợp đồng nếu không có gì vướng mắc giữa hai bên thì hợp đồng coi như đã được thanh lý. Nếu hai bên có nhu cầu và khả năng hợp tác thì tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tiếp theo.

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Các bên cam kết tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận tại Hợp đồng này với tinh thần thiện chí, trung thực và tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong quá trình thực hiện.

- Hợp đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi được sự chấp thuận của các bên. Mọi nội dung sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của các bên.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Le Thi Kim Dung.

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Thủy



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Series): 1C26TAS

Ngày 13 tháng 08 năm 2026

Số (No): 00002164

Mã của cơ quan thuế (Tax auth's code):

00B1AC6CCE30SD49CCAC8F93FF2ABFF552

Đơn vị bán hàng (Issued): CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

Mã số thuế (TAX code): 0800754983

Địa chỉ (Address): Thôn Phong Lâm, xã Gia Phúc, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02203.717.555

Số tài khoản (AC No.): 0341006990138

Ngân hàng (Bank): Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hải Dương.

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): HỘ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG

Mã số thuế (TAX code): 037193005062 CCCD/Mã ĐVQHNS (CIN/BUC):

Địa chỉ (Address): Thôn An Quý, Xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng

Hình thức thanh toán (Payment method): Thanh toán chuyển khoản Số tài khoản (AC No.):

Ngân hàng (Bank):

Biển kiểm soát:

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí duy trì dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại theo hợp đồng số 494.2026/HĐPK/AS-LTKD	Năm	1	12.000.000	12.000.000

Cộng tiền hàng (Total amount): 12.000.000

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 8%

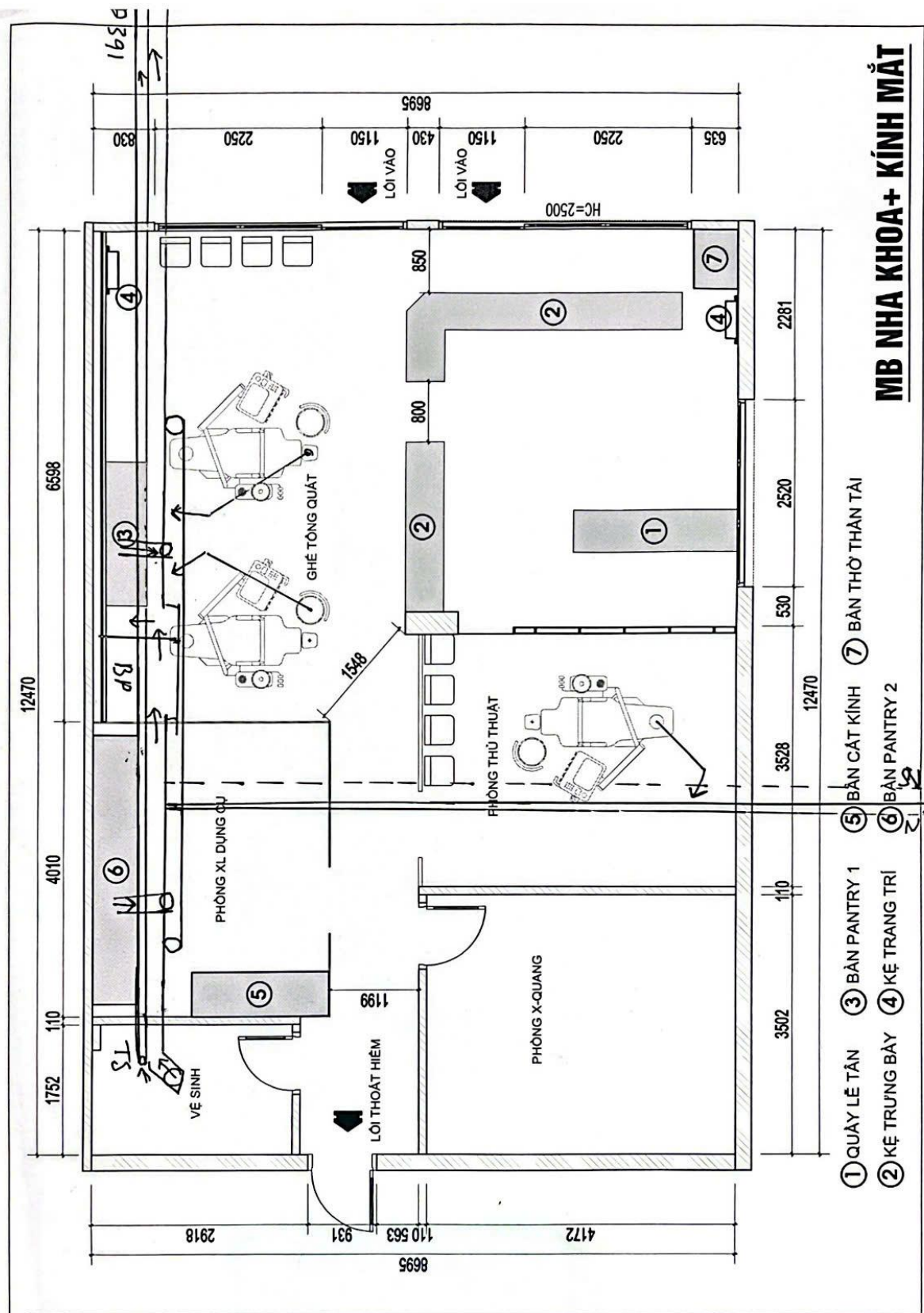
Tiền thuế GTGT (VAT amount): 960.000

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 12.960.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười hai triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)Đơn vị bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid
 Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN
 CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
 AN SINH
 Ký ngày: 13/08/2026 16:17:01



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Số: 05062026/HOKINHDOANHPKLETHIKIMDUNG-HP)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2006.
- Căn cứ vào nhu cầu của khách hàng và khả năng của Công ty TNHH Kỹ thuật BTH.
- Hôm nay, ngày 05 tháng 06 năm 2026. Tại Hải Phòng, đại diện cho các bên ký kết hợp đồng gồm có:

ĐẠI DIỆN BÊN MUA HÀNG: BÊN A: HỘ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG

Mã Số Thuế: 037193005062

Đại Diện: **Lê Thị Kim Dung**

Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh

Địa Chỉ: Thôn Văn Vật, Xã Nguyên Giáp, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÊN B (BÊN BÁN HÀNG): CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT Y TẾ BTH

Mã số thuế: 0202198232

Đại diện: Ông: **Trần Thanh Hiên** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 139 Đường Văn Phong, Phường An Hải, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0988.084.343 - 0931.445.666.

Tên tài khoản: Công ty TNHH kỹ thuật y tế BTH - Tài khoản số : 8689986899 –Ngân hàng Techcombank

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng cung cấp máy, thiết bị, vật tư nha khoa theo điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung của hợp đồng:

1.1 Nội dung và giá trị hợp đồng

-Bên B nhận cung cấp, lắp đặt máy móc, thiết bị, vật tư y tế, theo yêu cầu của bên A. cụ thể như sau:

STT	Nội Dung	ĐVT	SL	Giá Tiền	Thành Tiền	Thuế GTGT	Thành Tiền Thuế
1	Máy xử lý nước thải	Máy	1	7.000.000	7.000.000	5%	350.000
2	Máy hút trung tâm	Máy	1	5.500.000	5.500.000	5%	275.000
Tổng cộng giá trị trước thuế					12.500.000		625.000

Tổng giá trị hợp đồng còn lại bên A phải thanh toán cho bên B là 13.125.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười ba triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn ./)

1.2 Hình thức thanh toán

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

Thời gian thanh toán:

Sau khi lắp đặt bàn giao xong bên A sẽ có trách nhiệm thanh toán B 13.125.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười ba triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn ./)

Điều 2 : Trách nhiệm của các bên:

- **Trách nhiệm của bên B :**
 - + Bên B cung cấp đầy đủ hàng hoá, dịch vụ cho bên A như quy định tại Điều 1.
 - + Bên B Hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật sử dụng máy, thiết bị cho bên A.
 - + Về chế độ bảo hành:
 - *Đối với ghế máy:* Bảo hành hệ thống hơi, nước, hệ thống mạch hoạt động ghế.
 - *Đối với các thiết bị khác:* Bảo hành về chức năng hoạt động máy, đảm bảo hoạt động tốt nhất trong thời gian bảo hành.
- **Trách nhiệm của bên A :**
 - + Tiếp nhận, nghiệm thu hàng hóa, dịch vụ theo quy định trong hợp đồng.
 - + Thanh toán đúng thời hạn theo quy định ở Điều 1.2 trong hợp đồng này.

Điều 3: Điều khoản chung:

Các bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Bất cứ sự thay đổi nào trong hợp đồng phải được lập thành văn bản và phải được hai bên chấp nhận. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì các bên sẽ tiến hành bàn bạc trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp có tranh chấp thì hai bên thống nhất sẽ phân xử tại Tòa án kinh tế Hải Phòng. Mọi phán quyết của tòa án là bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên, chi phí cho việc phân xử tại Tòa án do bên có lỗi chịu trách nhiệm.

Khi hai bên đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng, thì hợp đồng này đương nhiên được xem là thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, (mỗi bản có 02 trang) có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

Hải Phòng, ngày 05 tháng 06 năm 2026.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký và ghi rõ họ tên)


Le Thu Kim Dung

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hiền

GIẤM ĐỐC

Máy xử lý nước thải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 06 năm 2026

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công trình: HỘ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG

Địa điểm: Thôn Văn Vật, Xã Nguyên Giáp, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Thiết bị/ Cụm thiết bị nghiệm thu

Hệ thống thiết bị nghiệm thu: Hệ thống xử lý nước thải, công suất: 500 lít/ ngày Thời gian chạy thử:

Bắt đầu: 8h Ngày 05 tháng 06 năm 2026

Kết thúc: 9h Ngày 05 tháng 06 năm 2026

1. Thành phần tham gia nghiệm thu

1.1 Đại diện phòng khám

Lê Thị Kim Dung

Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh

1.2 Đại diện đơn vị thiết bị

Trần Thanh Hiền

Chức vụ: Giám đốc

2. Thời gian và địa điểm nghiệm thu

Bắt đầu: 9h Ngày 05 tháng 06 năm 2026

Kết thúc: 11h Ngày 05 tháng 06 năm 2026

Tại: Thôn Văn Vật, Xã Nguyên Giáp, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam



Hồ sơ làm căn cứ nghiệm thu

STT	Danh mục hồ sơ	Số lượng
1	Hợp đồng lắp đặt hệ thống XLNT	1
2	Hồ sơ thuyết minh công nghệ hệ thống XLNT	1
3	Hướng dẫn vận hành, bảo trì thiết bị	1

1. Đánh giá chất lượng của hệ thống thiết bị khi chạy thử liên động có tải

Hoạt động tốt, không gây ồn, mẫu nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 28:2010/btnmt

2. Kết luận

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu: Đồng ý
- Yêu cầu sửa chữa: Không
- Thời gian sửa chữa: Không

ĐẠI DIỆN PHÒNG KHÁM


Le Thu Kim Dung



ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẮP ĐẶT


GIÁM ĐỐC
Trần Thanh Hiện



THÔNG TIN

Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế

Số công bố : 260000007/PCBSX-HP

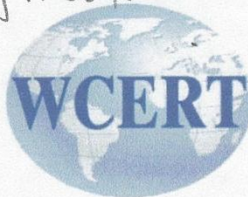
Ngày công bố: 20/04/2026

1. Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT Y TẾ BTH
2. Địa chỉ: Số 139 đường Văn Phong, Phường An Hải, Thành phố Hải Phòng
3. Điện thoại: 0988084343 Fax:
4. Số văn bản đề nghị của cơ sở: 01/2026/VBCB – BTH Ngày: 13/04/2026
5. Tên thiết bị y tế cơ sở công bố sản xuất:
 - Máy hút trung tâm dùng trong nha khoa
 - Máy xử lý nước thải dùng trong nha khoa, nhi khoa, sản khoa

6. Thành phần hồ sơ:

1	Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế	x
2	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	x

máy xử lý nước thải



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE OF REGISTRATION

Chứng nhận Hệ thống quản lý Chất lượng cho Thiết bị y tế của:

This is to certify that the Quality Management System for Medical Equipment of:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT Y TẾ BTH

BTH MEDICAL TECHNOLOGY CO., LTD

Địa chỉ: Số 139 đường Văn Phong, Phường An Hải, TP, Hải Phòng, Việt Nam

Address: No. 139 Van Phong Street, An Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

Has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard:

ISO 13485:2016

Cho lĩnh vực/ For the following activities:

**Sản xuất, kinh doanh máy hút trung tâm dùng trong nha khoa và máy xử lý
nước thải dùng trong nha khoa, nhi khoa, sản khoa**

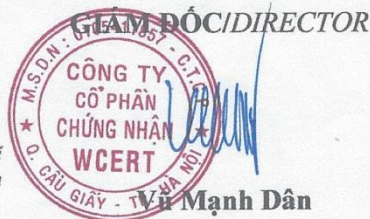
*Manufacturing, trading of central suction machines for dental use and wastewater treatment
machines for dental, pediatric, obstetric applications*

Số chứng nhận/ Certificate No: W2802M

Ngày ban hành/ Issue date: 31/03/2026

Ngày hết hạn/ Expiry date: 30/03/2029

*(Hiệu lực của giấy chứng nhận các năm tiếp theo sẽ
được thể hiện kèm theo quyết định duy trì chứng nhận
sau mỗi lần đánh giá giám sát)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN WCERT**

Số: 188/QĐ - WCERT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy chứng nhận
Hệ thống Quản lý Chất lượng cho thiết bị y tế phù hợp tiêu chuẩn
ISO 13485:2016

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN WCERT

Căn cứ Quyết định số 436/GCN-SKHCN ngày 22/01/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận;

Căn cứ quy định chung về đánh giá Hệ thống Quản lý của Công ty Cổ phần chứng nhận WCERT;

Căn cứ hồ sơ đánh giá chứng nhận và biên bản thẩm xét hồ sơ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Hệ thống Quản lý Chất lượng cho Thiết bị Y tế theo tiêu chuẩn ISO 13485:2016 cho Công ty TNHH Kỹ thuật Y tế BTH với các thông tin sau:

Số chứng nhận: W2802M

Địa chỉ: Số 139 đường Văn Phong, Phường An Hải, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

Phạm vi chứng nhận: Sản xuất, kinh doanh máy hút trung tâm dùng trong nha khoa và máy xử lý nước thải dùng trong nha khoa, nhi khoa, sản khoa./.

Điều 2. Chứng nhận có hiệu lực từ: 31/03/2026 đến ngày 30/03/2029.

Điều 3. Trong thời gian hiệu lực chứng nhận, đơn vị được sử dụng thông tin, biểu tượng chứng nhận liên quan tới chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng cho thiết bị y tế theo tiêu chuẩn ISO 13485:2016.

Điều 4. Đơn vị có trách nhiệm duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng cho thiết bị y tế phù hợp tiêu chuẩn ISO 13485:2016 và tuân thủ việc giám sát định kỳ theo yêu cầu tiêu chuẩn (12 tháng/ lần, 02 lần/3 năm) hoặc đánh giá đột xuất khi có yêu cầu. Trong thời hạn giám sát, nếu đơn vị không thực hiện đánh giá giám sát định kỳ thì sẽ chấm dứt hiệu lực của chứng nhận./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu VP.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C26TAA

Số (No.): 200

Ngày (Date) 10 tháng (month) 06 năm (year) 2026

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT Y TẾ BTH

Mã số thuế (Tax code): 0202198232

Địa chỉ (Address): Số 139 đường Văn Phong, Phường An Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Tài khoản (A/C number): 8689986899 Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam



Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): HỘ KINH DOANH PK LÊ THỊ KIM DUNG

Mã số thuế (Tax code): 037193005062

Địa chỉ (Address): Thôn Văn Vật, Xã Nguyên Giáp, TP Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Máy xử lý nước thải	Máy	1	7.000.000	7.000.000
2	Máy hút trung tâm	Máy	1	5.500.000	5.500.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					12.500.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	625.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					13.125.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT Y TẾ
BTH
Ký ngày: 10-06-2026

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 00D1760DA907EF40EBA35CB34BD52BE7B1

Trang tra cứu: tracuu.easyinvoice.vn Mã tra cứu: JUZK492W9

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Máy xử lý nước thải

HỒ SƠ

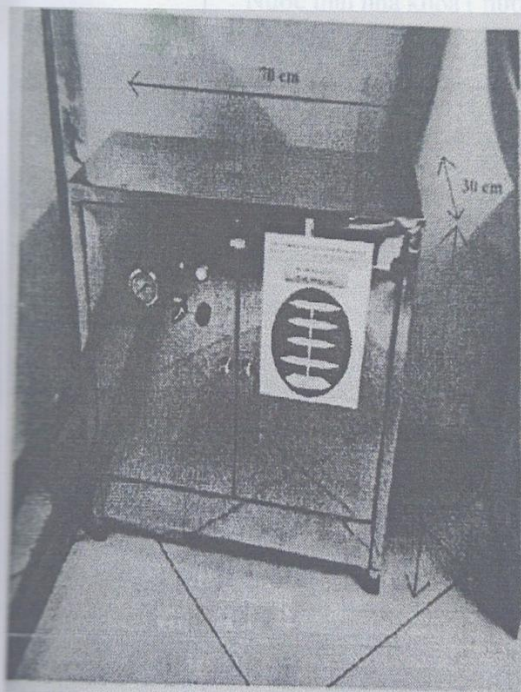
**THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ
LÝ NƯỚC THẢI PHÒNG KHÁM NHA KHOA**

CÔNG SUẤT: 500 LÍT/NGÀY

**ĐỊA ĐIỂM: Thôn Văn Vật, Xã Nguyên Giáp,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**

Hải Phòng, Tháng 06/2026

THÔNG SỐ CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI MTX500



Quy cách	MTX500
Công suất sử dụng	500 lít/ngày đêm
Quy mô sử dụng	Nha khoa quy mô nhỏ, Chuyên khoa ngoại, xét nghiệm
Công suất điện	3,37kW
Điện nguồn vào	AC 220V
Kích thước (DxRx C)	700x300x700 cm
Vỏ thiết bị	Thép không rỉ
Phương thức nước vào	Tự chảy, hút, dây áp lực
Tiêu chuẩn	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT

Hình ảnh thiết bị XLNT y tế MTX500

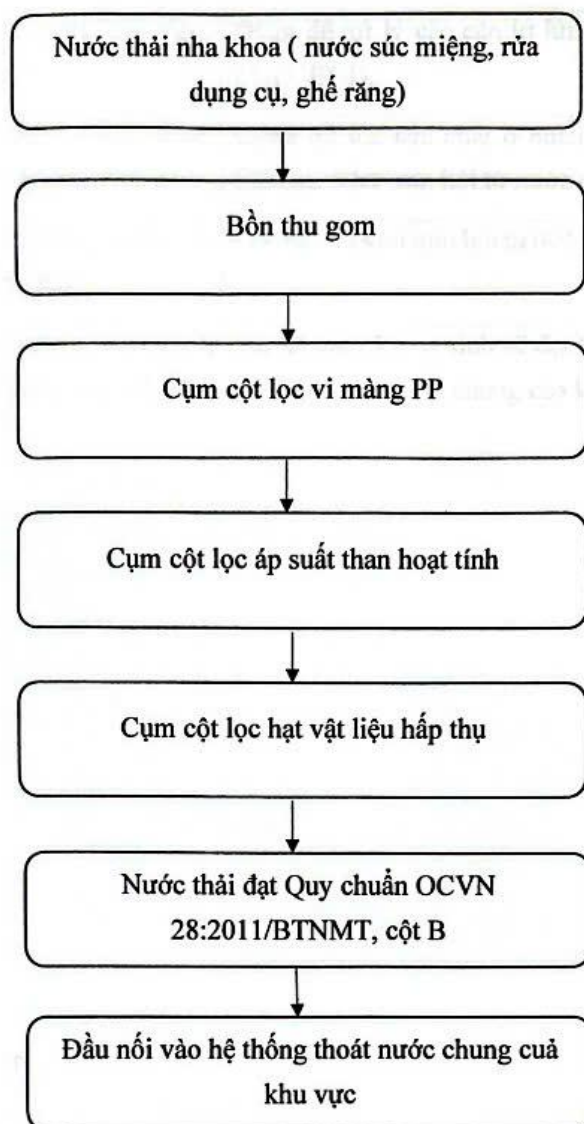
1.1. CÔNG NGHỆ ĐƯỢC ÁP DỤNG

- Công nghệ được áp dụng để xử lý nước thải công suất 500m³/ngày đêm. Là công nghệ xử lý bằng cột lọc đẩy áp suất cao. Đây là công nghệ tiên tiến thường dùng xử lý nước thải y tế ở các phòng khám tư nhân hiện nay. Công nghệ này có ưu điểm là hiệu quả kinh tế cao, vận hành đơn giản, hiệu quả và bền.
- Đặc biệt, hệ thống được trang bị những thiết bị mang tính tự động hóa cao, ổn định, hiệu quả và cần ít nhân lực vận hành.
- Các thiết bị phục vụ vận hành hệ thống được trang bị gọn nhẹ, độ tin cậy cao và dễ dàng sử dụng.

1.2. NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG

1.2.1. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của hệ thống

Được thải phát sinh từ hoạt động của Phòng khám bao gồm nước thải từ đường tiêu hóa, nước tiểu sẽ theo đường ống thu gom nước thải đến bể thu gom. Do nước thải phát sinh từ phòng khám Đa khoa không thường xuyên nên bồn thu gom sẽ có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ để chất có trong nước thải. Dòng thải tại đây sẽ tiến hành sục Ozon để khử khuẩn và khử vi trùng gây mùi.



Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải phòng khám

- **Thuyết minh công nghệ**

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Phòng khám bao gồm nước thải từ đường tiêu hóa, rửa dụng cụ sẽ theo đường ống thu gom nước thải dẫn về bồn thu gom. Do nước thải phát sinh từ phòng khám Đa khoa không thường xuyên nên bồn thu gom sẽ có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ ác chất có trong nước thải. Đồng thời tại đây sẽ tiến hành sục Ôzon để khử khuẩn và khử vi trùng gây mùi.

Sau đó nước thải sẽ được dẫn qua thiết bị xử lý chính gồm 3 hệ lọc:

STT	Các hạng mục	Chức năng các hạng mục
1	Hệ lọc màng sợi rỗng MBBR	Dùng để xử lý các cặn lơ lửng, hàm lượng các chất như COD, BOD.
2	Hệ thống chứa than hoạt tính	Dùng để lọc các chất ô nhiễm còn lại từ cột lọc màng MBBR. Khử mùi hôi từ nước thải
3	Hệ cột lọc áp suất vật liệu hấp thụ	Lọc cặn và khử mùi hôi từ nước thải khi thải ra môi trường.

Nước thải sau khi được xử lý qua hệ cụm lọc vi sinh sẽ đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B được phép đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

DANH MỤC THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CỦA HỆ THỐNG

TT	Thiết bị/ hạng mục	Mô tả kỹ thuật	Xuất xứ	Số lượng	ĐVT
1	Cột chứa than hoạt tính	- Vật liệu chế tạo: PVC	Việt Nam	01	Bộ
2	Bơm tăng áp nước thải từ thùng chứa đầu vào	- Công suất 150W - Điện áp trực tiếp 220V - Cột áp tối đa 15m, lưu lượng 25 lít/phút - Dây quấn, cánh quạt, buồng bơm bằng đồng	Taiwan/ VN	01	Cái
3	Cột lọc	- Vật liệu chế tạo: ống PVC - Bao gồm: vật liệu lọc, phụ kiện lắp đặt	Việt Nam	02	HT
4	Phao điện cực nước	- Bao gồm giá đỡ, phụ kiện lắp đặt...	Việt Nam	02	Chiếc
5	Hệ thống điều chế Sục Ozon	- Chạy liên tục khi bơm chạy	Việt Nam	01	Chiếc
6	Tủ điện điều khiển cấp chung	- Tủ điện sơn tĩnh điện - Thiết bị điện Sino-Việt Nam	Việt Nam	01	Chiếc
7	Dây điện	- Nối từ tủ điện đến các thiết bị - Không bao gồm dây dẫn từ nguồn đến tủ điện của thiết bị xử lý	Việt Nam	01	Bộ
8	Bể gom	- Gom, điều hòa nồng độ, lưu lượng nước thải - Chất liệu inox 304	Việt Nam	01	Chiếc
9	Vỏ bảo vệ hệ thống	- Chất liệu thép không gỉ inox 304	Việt Nam	01	Chiếc

DANH MỤC THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CỦA HỆ THỐNG

STT	Thiết bị/ hạng mục	Mô tả kỹ thuật	Xuất xứ	Số lượng	ĐVT
1	Cột chứa than hoạt tính	- Vật liệu chế tạo: PVC	Việt Nam	01	Bộ
2	Bơm tăng áp nước thải từ thùng chứa đầu vào	- Công suất 150W - Điện áp trực tiếp 220V - Cột áp tối đa 15m, lưu lượng 25 lít/phút - Dây quấn, cánh quạt, buồng bơm bằng đồng	Taiwan/VN	01	Cái
3	Cột lọc	-Vật liệu chế tạo: ống PVC - Bao gồm: vật liệu lọc, phụ kiện lắp đặt kèm,...	Việt Nam	02	HT
4	Phao điện cực	-Điều khiển bơm hoạt động theo mức nước - Bao gồm giá đỡ, phụ kiện lắp đặt,...	Việt Nam	02	Chiếc
5	Hệ thống điều chế Sục Ozon	-Chạy liên tục khi bơm chạy	Việt Nam	01	Chiếc
6	Tủ điện điều khiển tập chung	-Vỏ tủ điện sơn tĩnh điện - Thiết bị điện Sino-Việt Nam	Việt Nam	01	Chiếc
7	Dây điện	-Nối từ tủ điện đến các thiết bị - Không bao gồm dây dẫn từ nguồn đến tủ điện của thiết bị xử lý	Việt Nam	01	Bộ
8	Bể gom	-Gom, điều hòa nồng độ, lưu lượng nước thải - Chất liệu inox 304	Việt Nam	01	Chiếc
9	Vỏ bảo vệ hệ thống	-Chất liệu thép không rỉ Inox 304	Việt Nam	01	Chiếc

3.1. VẬN HÀNH, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

3.1.1. Nguyên tắc vận hành thiết bị xử lý nước thải

- Trước khi tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải, phải kiểm tra toàn bộ hệ thống xem có an toàn để hoạt động không. Kiểm tra các thiết bị điện, kiểm tra mức nước thải, kiểm tra các thiết bị khác phục sự cố có đầy đủ không... mới tiến hành các thao tác khởi động hệ thống.
- Trong quá trình vận hành, cán bộ vận hành nhất thiết phải tuân thủ đúng quy trình vận hành đã được đào tạo. Vì khi vận hành sai sẽ gây ra sự cố dẫn đến hỏng thiết bị hay dẫn đến nước sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đề ra.
- Mọi sự cố xảy ra phải tìm cách khắc phục kịp thời. Nếu không thể tự khắc phục, phải báo cáo cho lãnh đạo hoặc cho các cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm xem xét và đưa ra phương án xử lý.

3.1.2. Nguyên tắc vận hành thiết bị

- Phải đọc kỹ hướng dẫn vận hành thiết bị trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.
- Thiết bị trước khi khởi động phải kiểm tra kỹ lưỡng về nguồn điện, về chế độ bôi trơn.
- Khi có sự cố, phải khắc phục ngay lập tức. Nếu không thể khắc phục được nói rõ trong sách hướng dẫn vận hành thiết bị của nhà sản xuất kèm theo.

3.1.3. Quy trình vận hành

- Hệ thống được đặt ở chế độ tự động và bằng tay.
- Đối với chế độ chạy bằng tay, chỉ sử dụng khi tiến hành kiểm tra các thiết bị máy móc và sự cố xảy ra.
- Chế độ tự động luôn sử dụng 24/24. Luôn luôn cung cấp điện áp cho hệ thống xử lý.
- a. *Thông số tự động được cài đặt của trạm xử lý*
 - + Bơm tăng áp được để chế độ tự động theo mức phao đặt sẵn.
 - b. *Kiểm soát hệ thống để hệ thống được chạy ổn định*
- Kiểm tra các van của hệ thống có đang đóng mở đúng chức năng hay không.
- Kiểm tra các thiết bị có đang chạy đúng với thời gian đã cài đặt hay không (Thường là kiểm tra các thiết bị chạy 24/24).
- Kiểm tra các thiết bị có tiếng khác lạ, khác với ngày thường hay không.

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1. VẬN HÀNH, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

3.1.1. Nguyên tắc vận hành thiết bị xử lý nước thải

- Trước khi tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải, phải kiểm tra toàn bộ hệ thống xem có an toàn để hoạt động không: Kiểm tra các thiết bị điện, kiểm tra mức nước thải, kiểm tra các thiết bị khắc phục sự cố có đầy đủ không... mới tiến hành các thao tác khởi động hệ thống.
- Trong quá trình vận hành, cán bộ vận hành nhất thiết phải tuân thủ đúng quy trình vận hành đã được đào tạo. Vì khi vận hành sai sẽ gây ra sự cố dẫn đến hỏng thiết bị hay dẫn đến nước sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đề ra.
- Mọi sự cố xảy ra phải tìm cách khắc phục kịp thời. Nếu không thể tự khắc phục, phải báo cáo cho lãnh đạo hoặc cho các cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm xem xét và đưa ra phương án xử lý.

3.1.2. Nguyên tắc vận hành thiết bị

- Phải đọc kỹ hướng dẫn vận hành thiết bị trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.
- Thiết bị trước khi khởi động phải kiểm tra kỹ lưỡng về nguồn điện, về chế độ bôi trơn, dầu mỡ... để đảm bảo tuyệt đối an toàn khi vận hành.
- Khi có sự cố, phải thực hiện ngay các thao tác trong sách hướng dẫn khắc phục đều được nói rõ trong sách hướng dẫn vận hành thiết bị của nhà sản xuất kèm theo.

3.1.3. Quy trình vận hành

- Hệ thống được đặt ở chế độ tự động và bằng tay.
 - Đối với chế độ chạy bằng tay, chỉ sử dụng khi tiến hành kiểm tra các thiết bị máy móc và sự cố xảy ra.
 - Chế độ tự động luôn sử dụng 24/24. Luôn luôn cung cấp điện áp cho hệ thống xử lý
- a. Thông số tự động được cài đặt của trạm xử lý*
- + Bơm tăng áp được để chế độ tự động theo mức phao đặt sẵn.
- b. Kiểm soát hệ thống để hệ thống được chạy ổn định*
- Kiểm tra các van của hệ thống có đang đóng mở đúng chức năng hay không.
 - Kiểm tra các thiết bị có đang chạy đúng với thời gian đã cài đặt hay không (Thường là kiểm tra các thiết bị chạy 24/24).
 - Kiểm tra các thiết bị có tiếng khác lạ, khác với ngày thường hay không.

3.1.4. Nguyên tắc bảo dưỡng thiết bị

- Mỗi một thiết bị phải có chế độ bảo dưỡng, bảo trì riêng.
- Phải thực hiện chế độ bảo dưỡng, thao tác tiến hành bảo dưỡng, thời gian cần bảo dưỡng thiết bị (thường tính theo giờ máy hoạt động) theo sách hướng dẫn vận hành thiết bị.

3.2. ĐỊNH KỲ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

3.2.1. Đối với thiết bị lõi lọc

- Định kỳ 6 tháng bảo dưỡng 1 lần: Kiểm tra đồng hồ áp suất và tiến hành thay lõi lọc.

3.2.2. Đối với thiết bị chứa than hoạt tính

- Định kỳ 10 tháng thay than hoạt tính 1 lần. Bằng cách tháo cột chứa than hoạt tính. Sục rửa sạch cột trước khi cho than hoạt tính mới.

3.2.3. Đối với máy sục Ozon

- Kiểm tra đầu sục bấm thường xuyên để đảm bảo máy luôn hoạt động tốt.

Dầu nổi vào hệ thống thoát nước
chúng của thành phố

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của phòng khám

1. Hướng dẫn vận hành

- Cắm nguồn điện
- Bật rô le sang chế độ Auto
- Thiết bị vận hành tự động theo chế độ đã cài đặt
- Định kỳ thay thế hệ cột lọc 10 tháng/lần theo chỉ báo cây đồng hồ áp suất.

ĐẠI DIỆN PHÒNG KHÁM

Phạm Duy

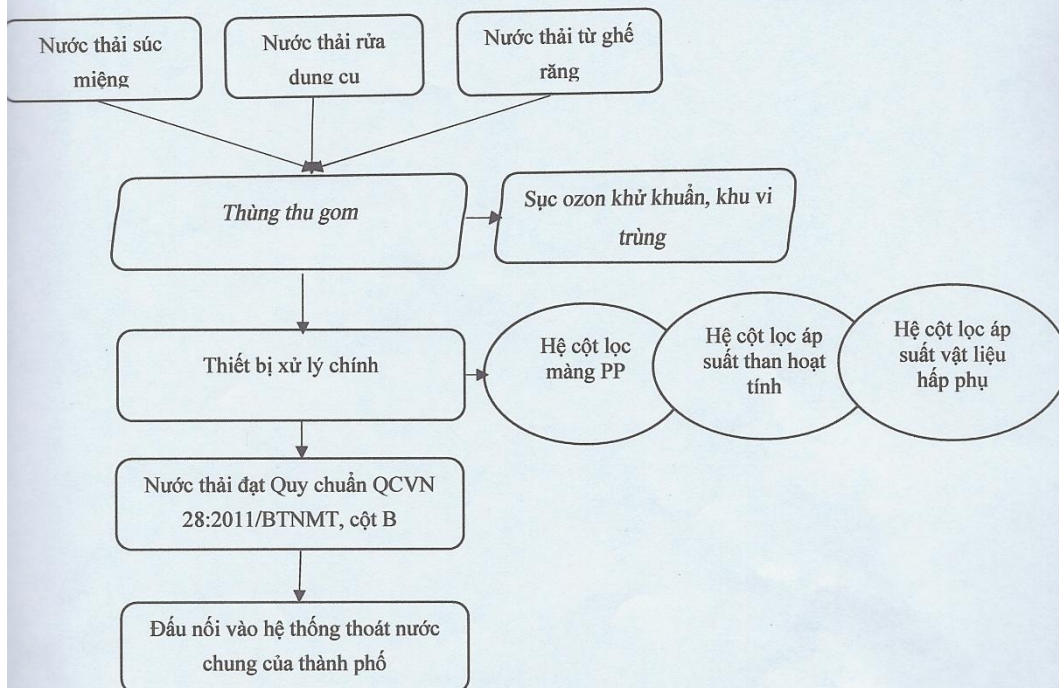
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẬP ĐẠT



Trần Văn Hùng

QUY TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Lưu trình



Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của phòng khám.

2. Hướng dẫn vận hành

- Cắm nguồn điện
- Bật rơ le sang chế độ Auto
- Thiết bị vận hành tự động theo chế độ đã cài đặt
- Định kỳ thay thế hệ cột lọc 10 tháng/lần theo chỉ báo cây đồng hồ áp suất.

ĐẠI DIỆN PHÒNG KHÁM

[Signature]
Lê Thị Kim Dung.



ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẮP ĐẶT

[Signature]
GIÁM ĐỐC
Trần Thanh Hiền